

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

(Time New Roman, 18pt, Bold)



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Nguyễn Thùy Linh**
Giảng viên hướng dẫn: **THs Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ SẢN XUẤT
PHÚ ĐƯỜNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: Kế toán – Kiểm toán**

**Sinh viên : Nguyễn Thùy Linh
Giảng viên hướng dẫn: THs Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thùy Linh

Mã SV: 110457

Lớp: QT 1104K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường

LỜI MỞ ĐẦU

Từ khi nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý và điều tiết của Nhà nước và chính sách kinh tế mở cửa giao lưu rộng rãi với tất cả các nước trên thế giới được xem là bước ngoặt to lớn có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển nền kinh tế nước ta hiện nay. Đất nước đã chuyển sang thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra với nhịp độ khẩn trương đưa đất nước ta tiến lên con đường dân giàu nước mạnh xã hội công bằng văn minh. Nhưng trong sản xuất kinh doanh nói đến nền kinh tế thị trường là nói đến cạnh tranh gay gắt, nó vừa tạo cơ hội và không ít nguy cơ cho các doanh nghiệp. Dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, lợi nhuận luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp theo đuổi. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu từ tổ chức quản lý đến sản xuất kinh doanh và tiêu thụ. Do vậy tổ chức quá trình sản xuất tiêu thụ hợp lý, hiệu quả đã và đang trở thành một vấn đề bao trùm toàn bộ hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Cũng như bao doanh nghiệp khác, Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường luôn quan tâm tới việc tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận cao nhất cho công ty. Trong quá trình thực tập tại phòng kế toán Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường đã nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của các cô chú cán bộ công nhân viên trong công ty. Từ những kiến thức đã được học và thực tế tìm hiểu em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường”**

Em xin chân thành cảm ơn tới ban lãnh đạo công ty, các phòng ban và đặc biệt là các cô, các anh chị trong phòng kế toán công ty. Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình hoàn thành bài báo cáo này.

Ngoài lời mở đầu và kết luận bài khóa luận gồm ba phần:

Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ Đối với doanh nghiệp

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh các nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

➤ Đối với nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị-an ninh-xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

➤ **Đối với nhà đầu tư:** thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

➤ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:** Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

➤ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán...

1.1.2 Vai trò nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

➤ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của từng đơn vị.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt số lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

➤ Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

- Ghi chép đầy đủ các khoản mục chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

➤ **Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh**

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.

- Phân tích đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Khái quát về doanh thu

Doanh thu: là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

➤ **Khái niệm:** là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người

sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Các hình thức bán hàng trong doanh nghiệp**

- Bán hàng theo phương thức đại lý, ký gửi

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm, hàng hóa gửi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định la tiêu thụ, hàng gửi đi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.

- Phương thức bán lẻ

Theo phương thức này doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Phương thức bán trực tiếp

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong,

người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và hàng đó được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng giao thẳng

Phương pháp bán hàng này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại. Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng của người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp, kho đó nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời.

- Phương thức bán trả góp

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

➤ **Hàng bán bị trả lại:** Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

➤ **Thuế xuất khẩu:** Thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

➤ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

➤ **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm:

- ✓ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- ✓ Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- ✓ Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- ✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- ✓ Lãi tỷ giá hối đoái.
- ✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- ✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- ✓ Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.1.4. Doanh thu khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- ✓ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định
- ✓ Thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng
- ✓ Thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý sổ sách
- ✓ Các khoản thuế được Ngân sách Nhà nước hoàn lại
- ✓ Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- ✓ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- ✓ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa tài sản cố định đưa đi

góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

✓ Các khoản thu nhập khác.

1.2.2. Khái quát về chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.2.2.1. Giá vốn hàng bán

 **Khái niệm:**

➤ **Đối với doanh nghiệp sản xuất:** Trị giá vốn hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa ra để bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành. Giá vốn hàng bán thành phẩm xuất kho có thể xác định theo một trong các phương pháp sau:

✓ Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối cùng.

✓ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO):

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

-Bình quân gia quyền ca kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá bình quân

-Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

➤ **Đối với doanh nghiệp thương mại:** Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

1.2.2.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

✓ *Chi phí nhân viên quản lý:* gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

✓ *Chi phí vật liệu quản lý:* trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

✓ *Chi phí đồ dùng văn phòng:* chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

✓ *Chi phí khấu hao tài sản cố định:* khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn.

✓ *Thuế phí, lệ phí:* các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

✓ *Chi phí dự phòng:* khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.

✓ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

✓ *Chi phí bằng tiền khác*: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

1.2.2.3. Chi phí bán hàng

- Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

✓ *Chi phí nhân viên bán hàng*: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

✓ *Chi phí vật liệu bao bì*: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

✓ *Chi phí dụng cụ đồ dùng*: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

✓ *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

✓ *Chi phí bảo hành sản phẩm*: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định và bảo hành.

✓ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

✓ *Chi phí bằng tiền khác*: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu

sản phẩm, hàng hoá.

1.2.2.4. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

1.2.2.5. Chi phí khác

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác*: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3. Phân loại hoạt động và cách xác định lợi nhuận từng hoạt động trong Doanh nghiệp.

Phân loại hoạt động trong DN

Các loại hoạt động trong Doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác.

Hoạt động SXKD: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành SXKD chính và SXKD phụ.

Hoạt động tài chính: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của DN.

Công thức xác định lợi nhuận của DN:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} = & \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN} \end{aligned}$$

$$\text{Lợi nhuận HĐTC} = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.4. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Các chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Hóa đơn bán hàng.
- Phiếu thu, Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các tài khoản cấp 2:

- TK5111-Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112-Doanh thu bán các thành phẩm
- TK5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK5117-Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK5118-Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511 như sau:

✓ Bên Nợ:

- + Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán bị kết chuyển cuối kỳ
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

+ Số thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ Bên Có:

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

✓ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

➤ **Tài khoản 512-Doanh thu tiêu thụ nội bộ**

Các tài khoản cấp 2:

-TK5121-Doanh thu bán hàng hóa

-TK5122-Doanh thu bán các thành phẩm

-TK5123-Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu tài khoản:

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa xuất biếu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 512 như sau:

✓ Bên Nợ:

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

+ Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911.

✓ Bên Có:

+ Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

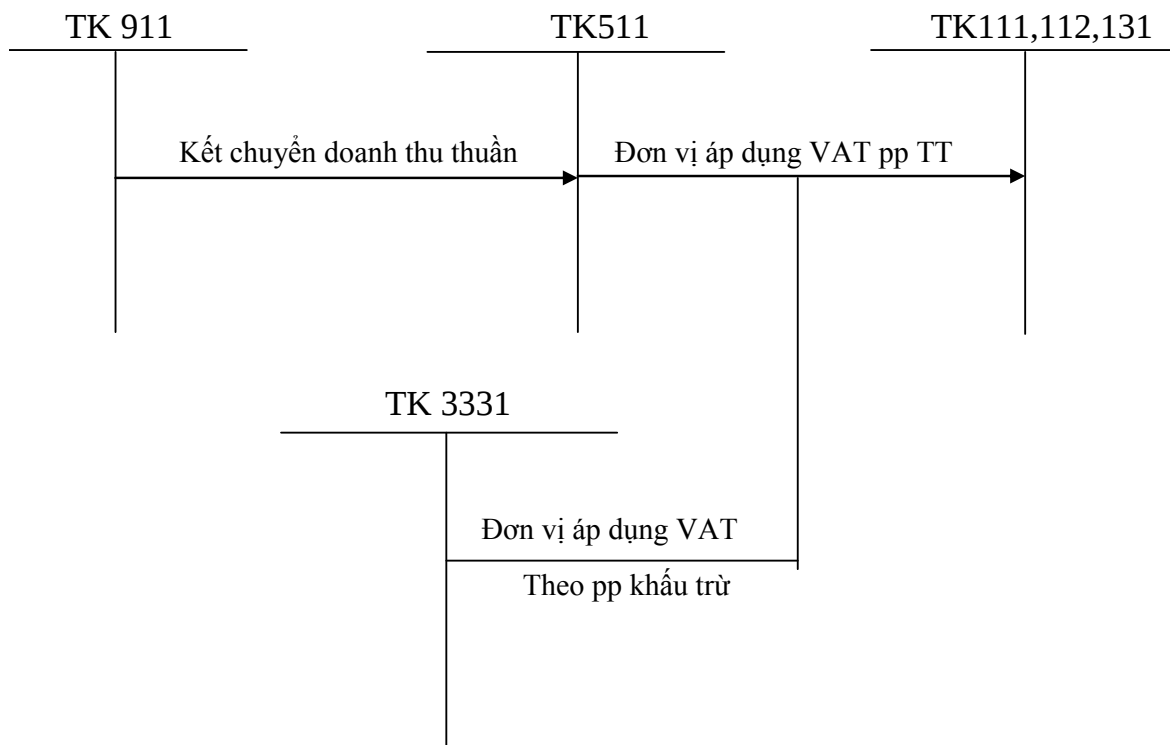
✓ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Sổ sách sử dụng (áp dụng cho hình thức kế toán NKC)**

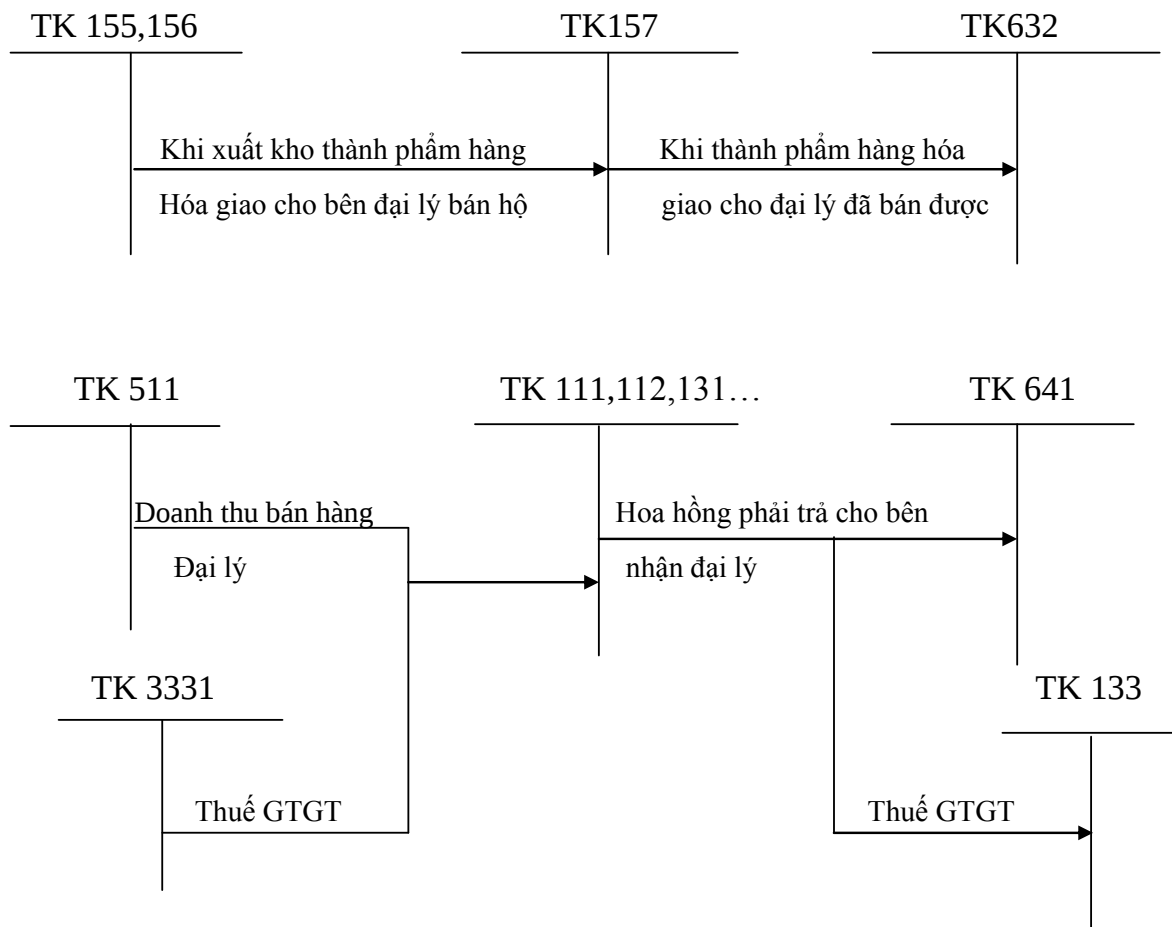
- Sổ cái các TK 511, TK512
- Sổ chi tiết TK511, TK512
- Bảng tổng hợp chi tiết các TK511, TK512
- Nhật ký chung
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

❖ **Phương pháp hạch toán**

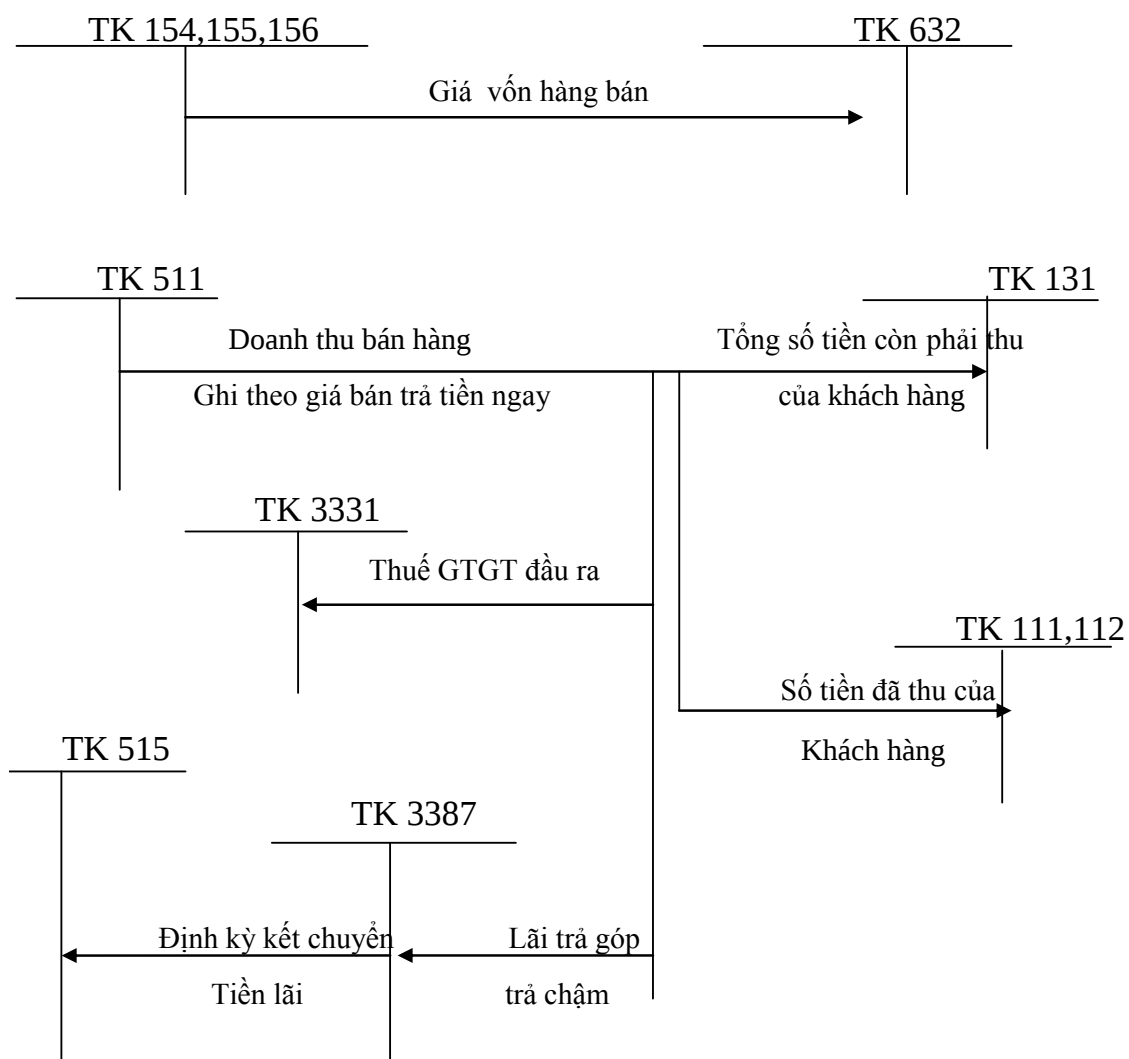
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



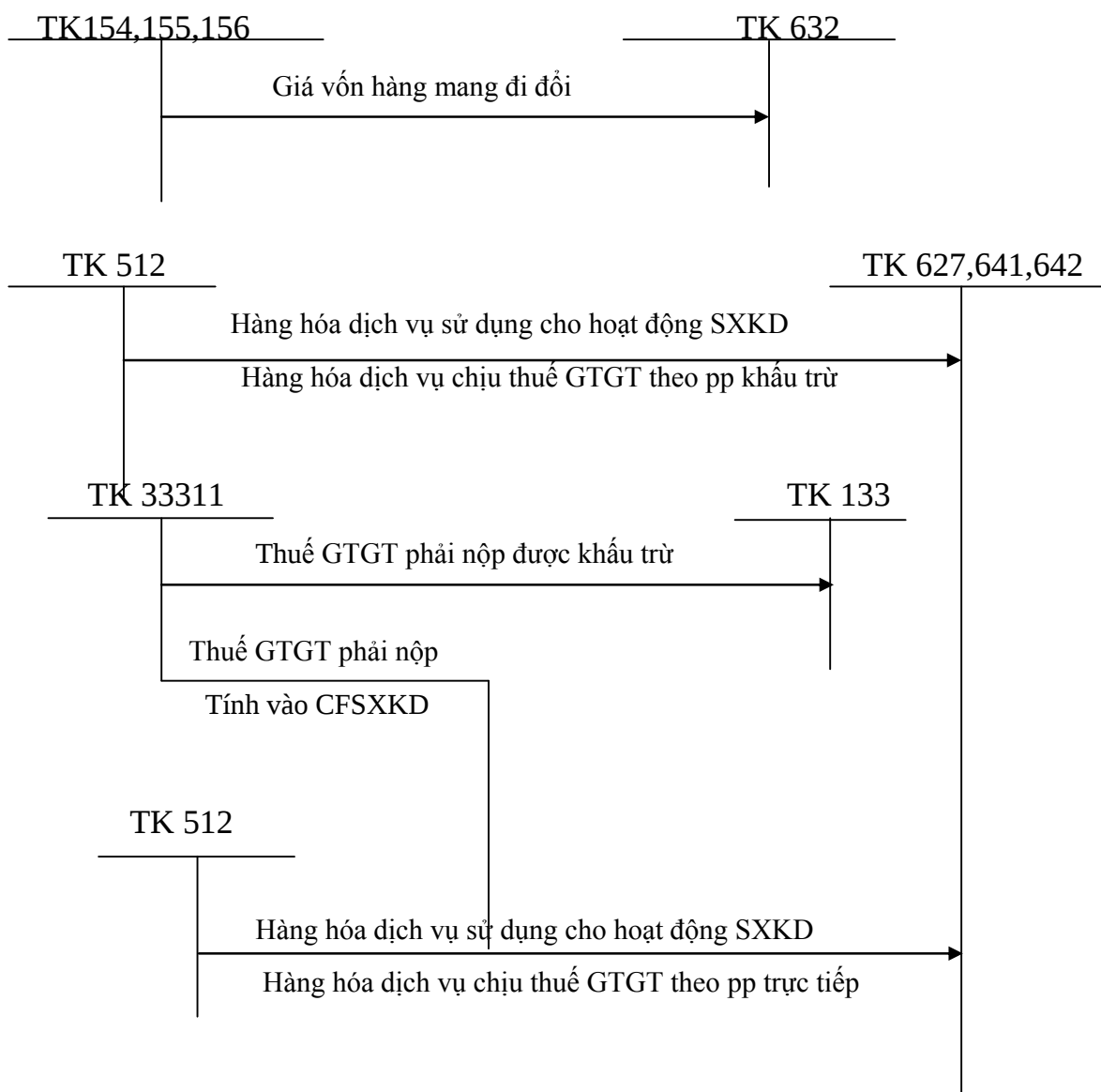
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



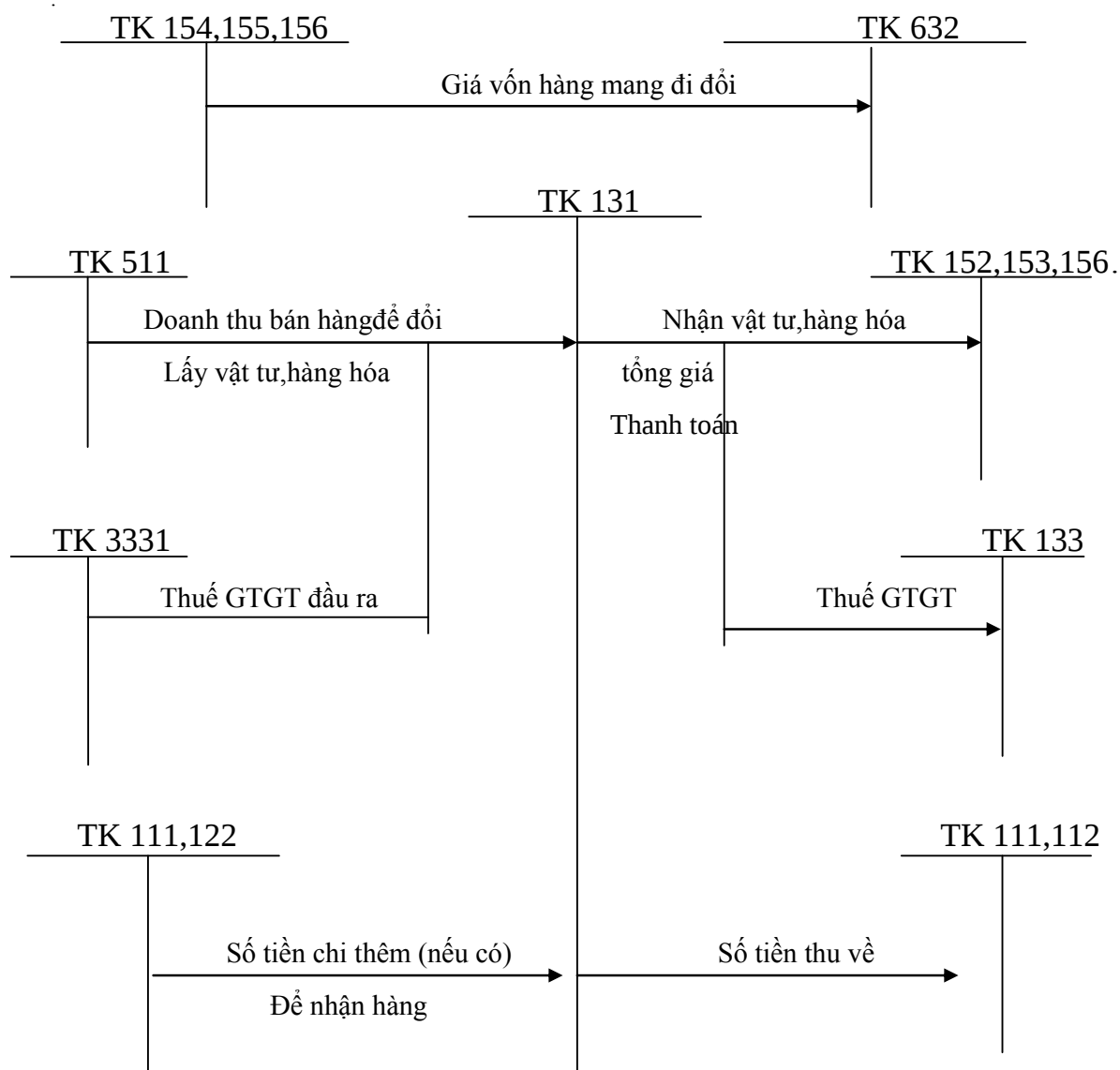
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng tiêu thụ nội bộ



Sơ đồ 1.5 Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



1.4.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 521: Chiết khấu thương mại

- TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
 - TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
 - TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 521

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng). Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 521 như sau:

✓ Bên Nợ:

+ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ Bên Có:

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

TK 531: Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại. Nội dung và kết cấu của tài khoản 531 được phản ánh như sau:

✓ Bên Nợ:

+ Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán

✓ Bên Có:

+ Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ của TK 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

TK 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách trên giá bán đã thỏa thuận.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn. Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 532 như sau:

✓ Bên Nợ:

+ Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

✓ Bên Có:

+ Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

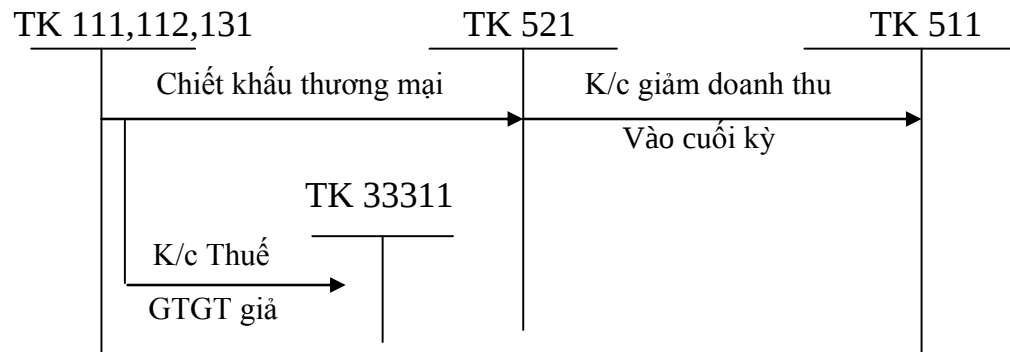
TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt, **TK 3333:** Thuế xuất khẩu và **TK 3331:** Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

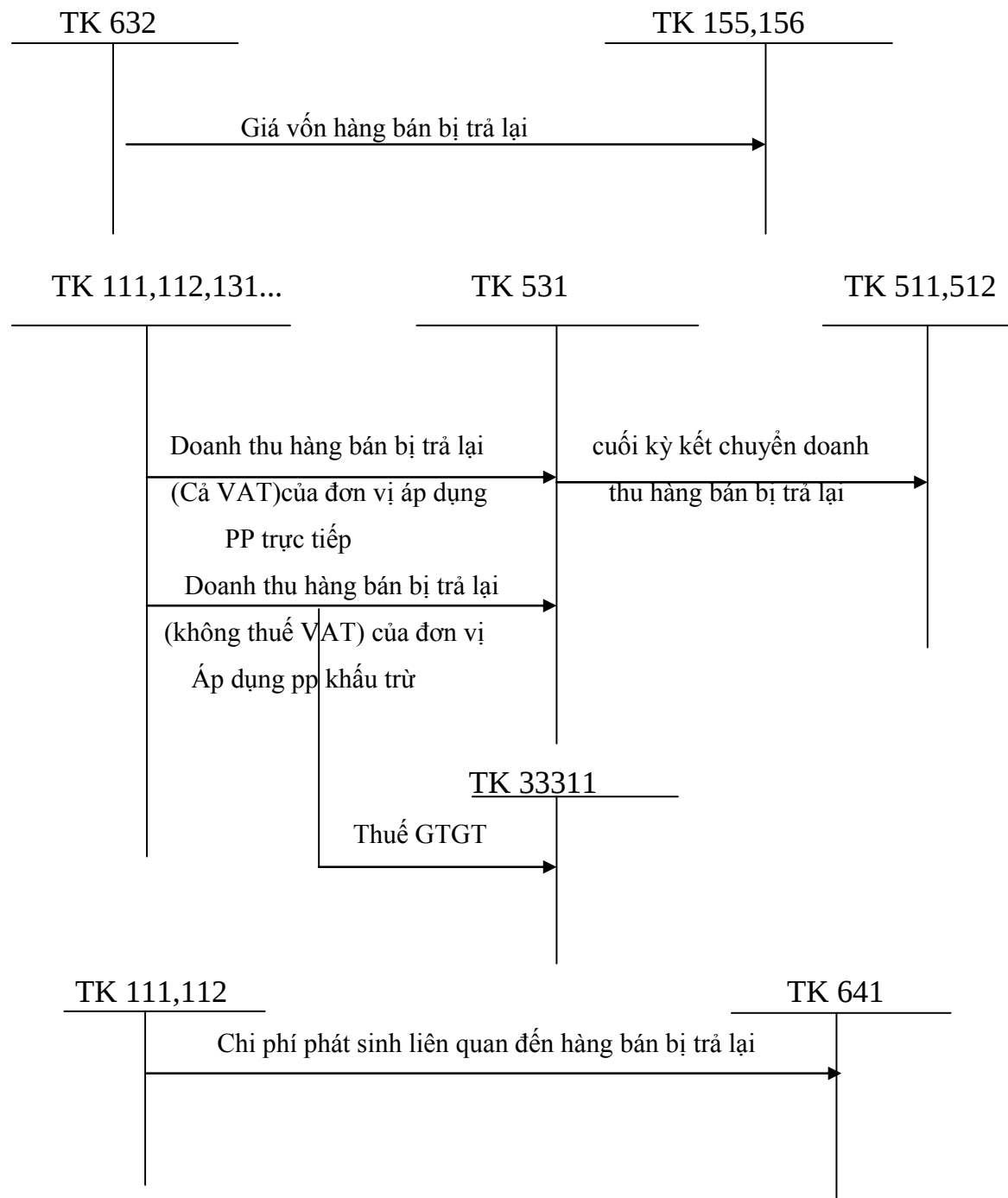
- Sổ cái TK 511, 521, 512, 531, 532, 632
- Sổ chi tiết các tài khoản 511, 512, 333
- Bảng tổng hợp chi tiết TK

❖ **Phương pháp hạch toán:**

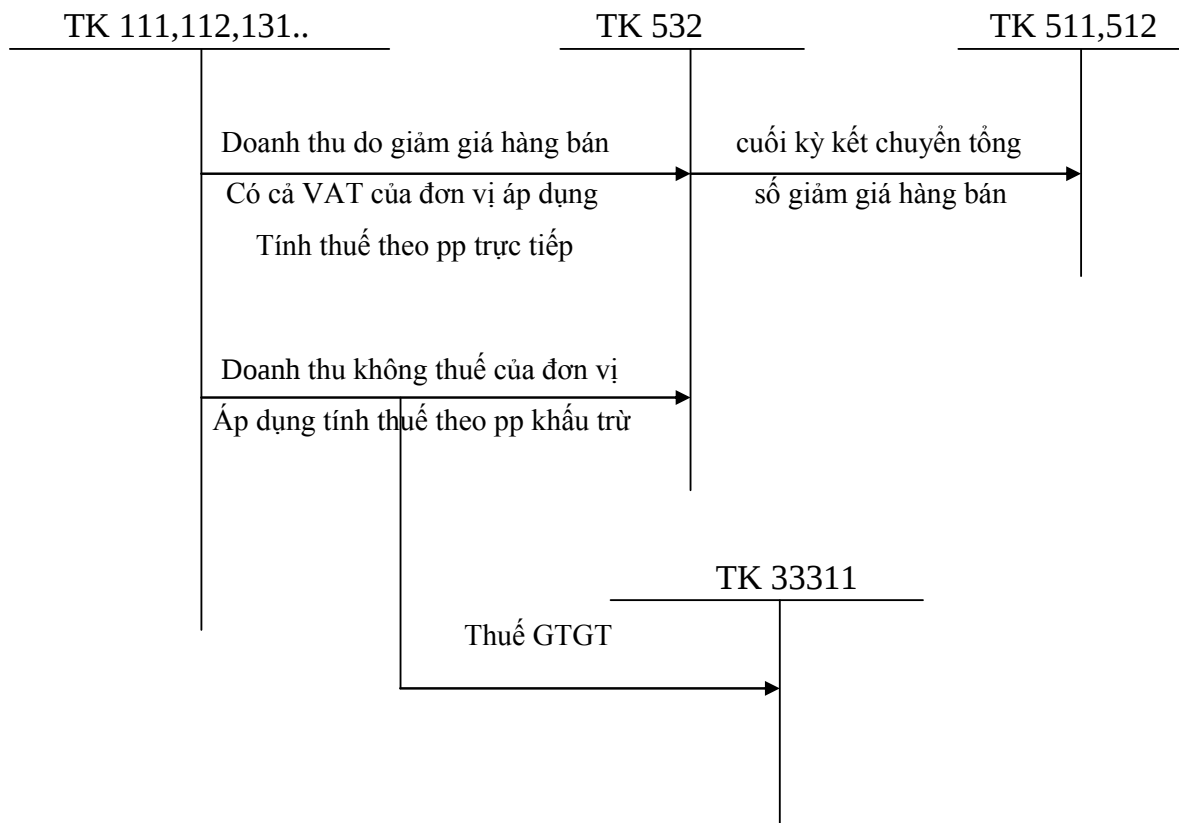
Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.8:kế toán giảm giá hàng bán



❖ Các khoản thuế làm giảm doanh thu

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá,dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

$$\text{GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

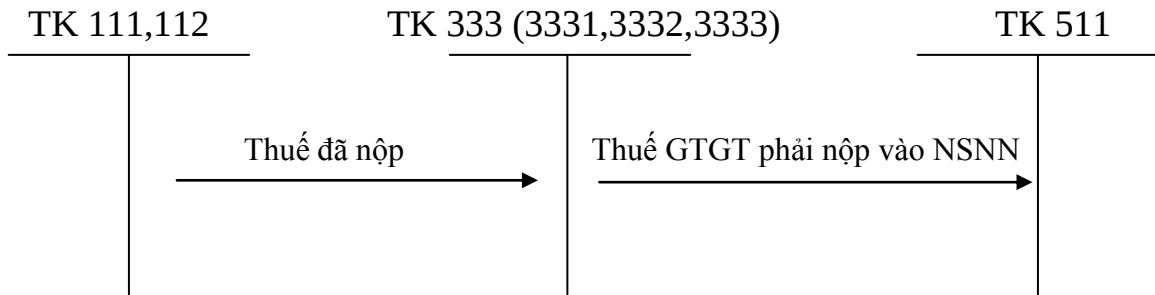
Cách tính:

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất}$$

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



1.4.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515 như sau:

✓ **Bên Nợ:**

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ **Bên Có:**

- + Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.

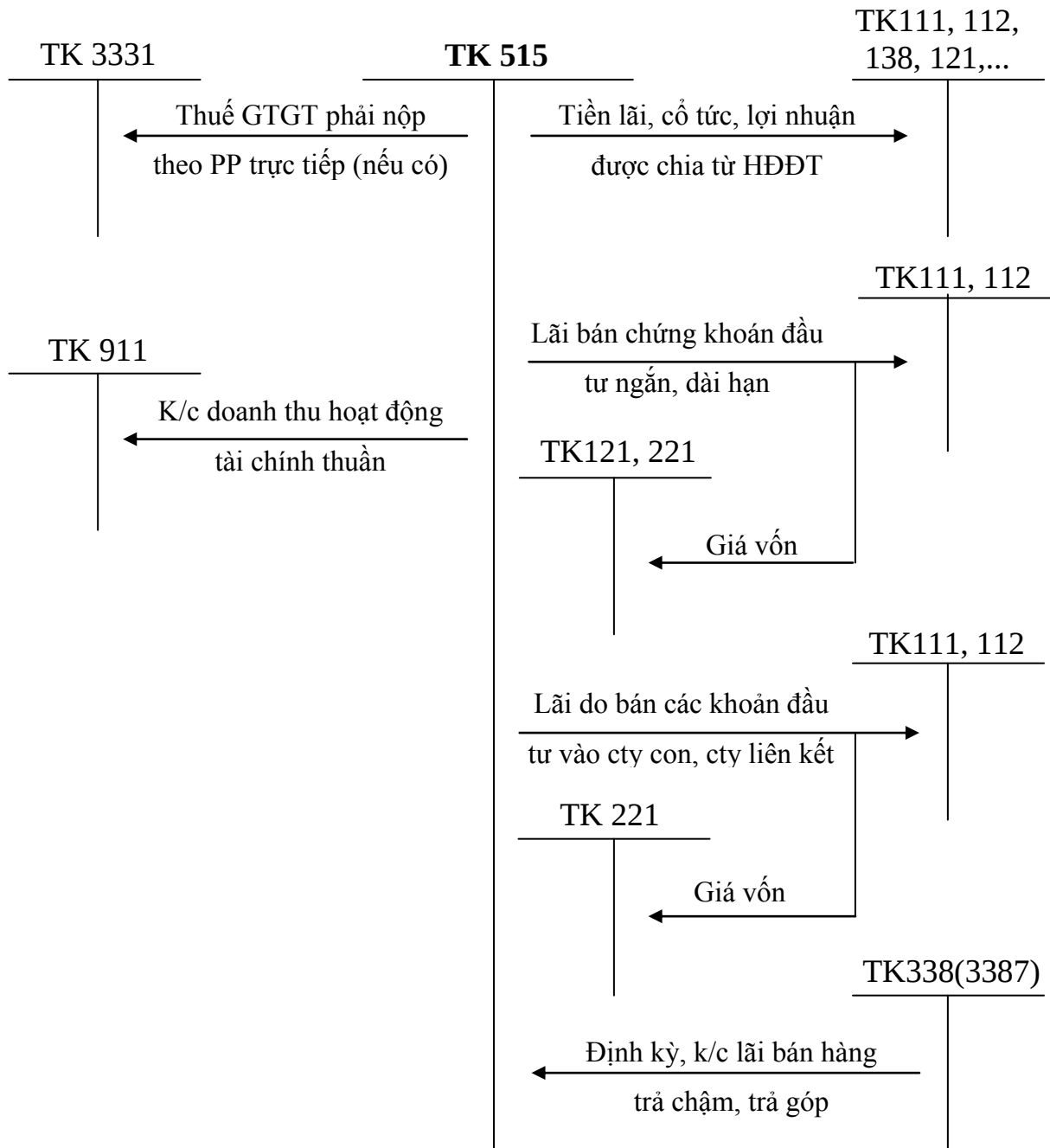
+ Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

+ Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh.

✓ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.4. Kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Sổ theo dõi các khoản thu nhập khác

❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 "Thu nhập khác"

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711 như sau:

✓ Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

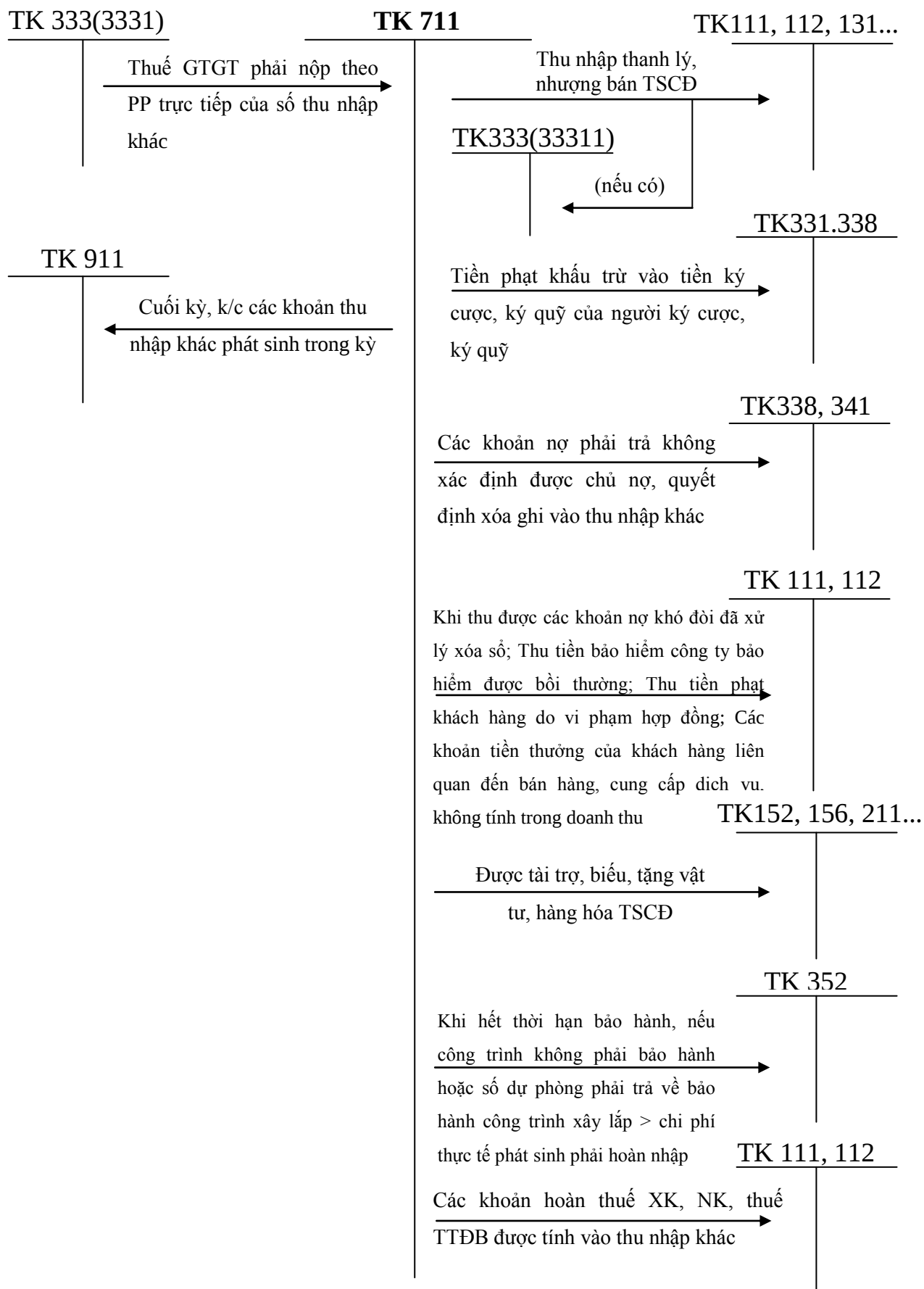
✓ Bên Có:

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



1.4.5. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
- Bảng tính và phân bổ: nguyên vật liệu – công cụ, dụng cụ.
- Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: giá vốn hàng bán.

❖ Phương pháp hạch toán

- Đối với doanh nghiệp thương mại:

✓ Bên Nợ:

- + Trị giá vốn hàng đã xuất bán trong kỳ
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước).

✓ Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định được là đã bán.

- + Hoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước).

- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán vào bên nợ TK 911.

✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ:

✓ Bên Nợ

- + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng năm nay lớn hơn số đã lập năm trước).

- + Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho hoặc dịch vụ hoàn thành.

✓ Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(chênh

lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

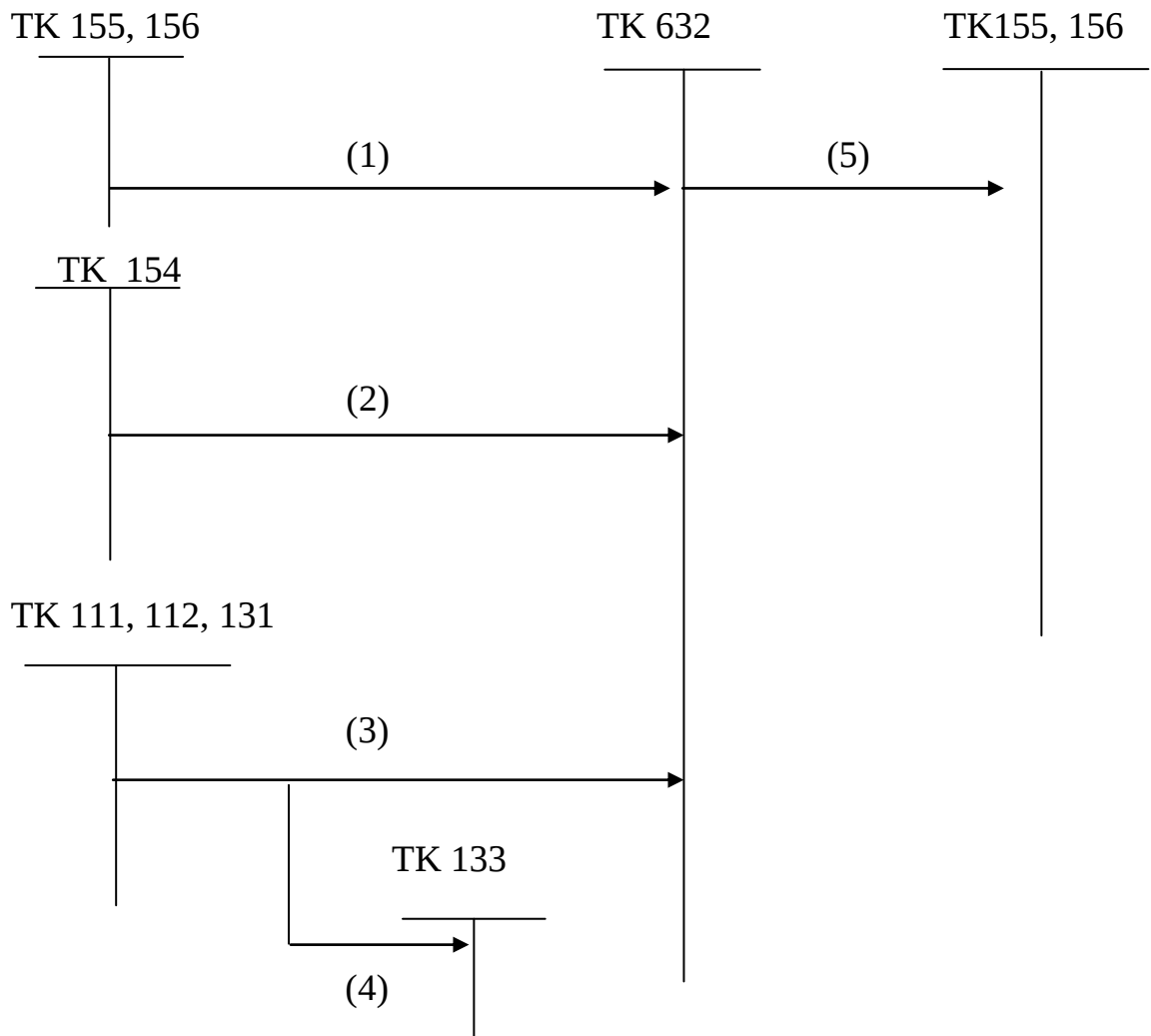
+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ đã hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911.

✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

▪ Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo 1 trong 4 phương pháp: phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO), phương pháp thực tế đích danh, phương pháp bình quân gia quyền.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán bán hàng theo phương thức giao hàng trực tiếp



Chú thích:

- (1): Xuất kho thành phẩm, hàng hóa bán trực tiếp
- (2): Sản phẩm sản xuất xong chuyển bán ngay hoặc chi phí sản xuất chung không phân bổ được ghi vào giá vốn
- (3): Mua hàng bán thẳng
- (4): Thuế VAT của hàng mua bán thẳng
- (5): Giá vốn của hàng bị trả lại

1.4.6 Kế toán chi phí bán hàng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 641: Chi phí bán hàng.

Các tài khoản cấp 2:

- 6411: Chi phí nhân viên
- 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6415: Chi phí bảo hành
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí khác bằng tiền

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản như sau:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

✓ Bên Nợ:

+ Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

✓ Bên Có:

+ Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

✓ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

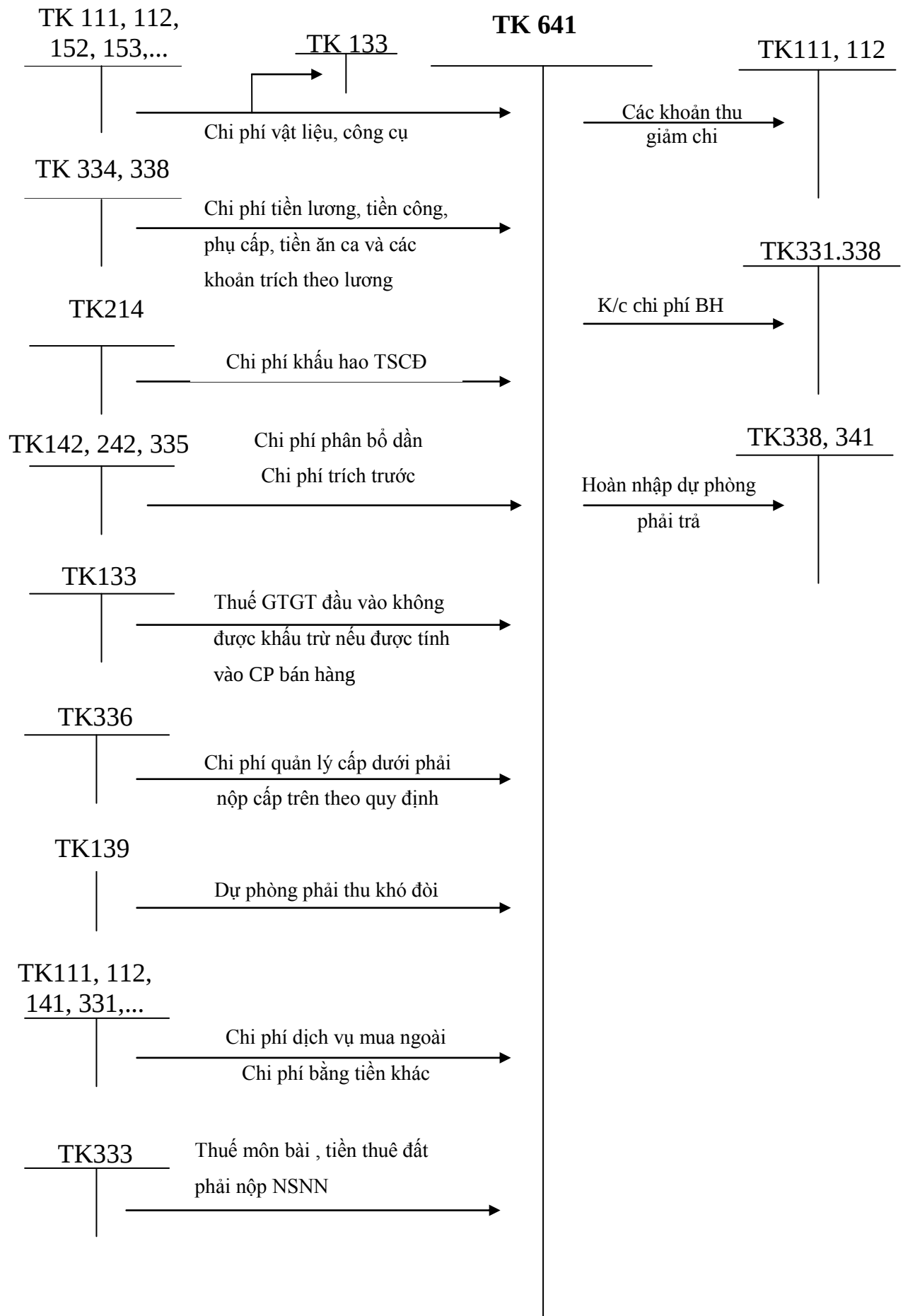
❖ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

(áp dụng theo hình thức Sổ Nhật ký chung)

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641, TK111, TK 331...
- Sổ chi tiết chi phí bán hàng.
- Bảng tổng hợp TK 641.

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí bán hàng



1.4.7 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ kế toán khác

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 642:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

✓ Bên Nợ:

- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✓ Bên Có:

+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

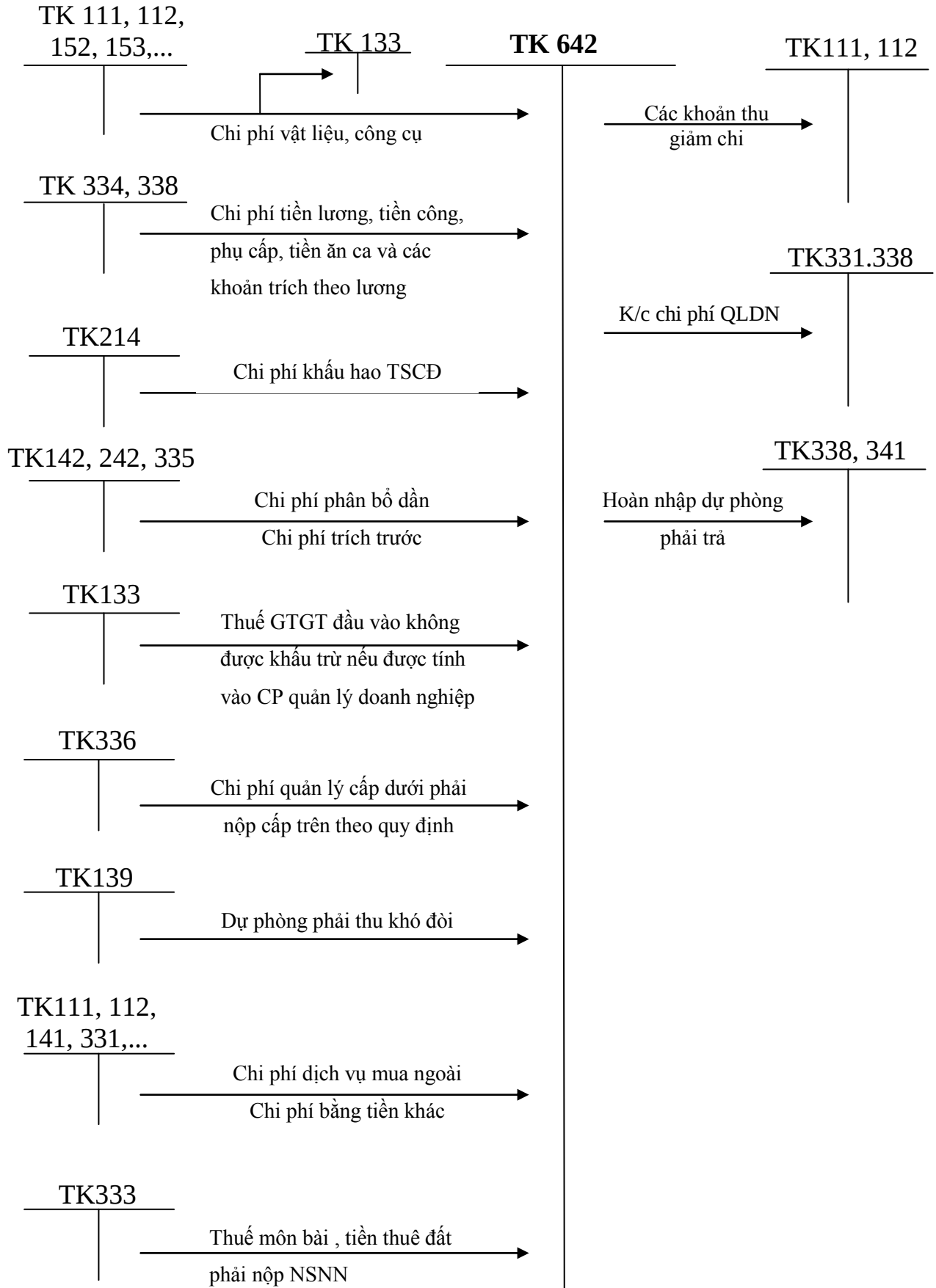
❖ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

(áp dụng theo hình thức Sổ Nhật ký chung)

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642, TK 111, TK 331...
- Sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Bảng tổng hợp TK 642

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.4.8 Kế toán chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

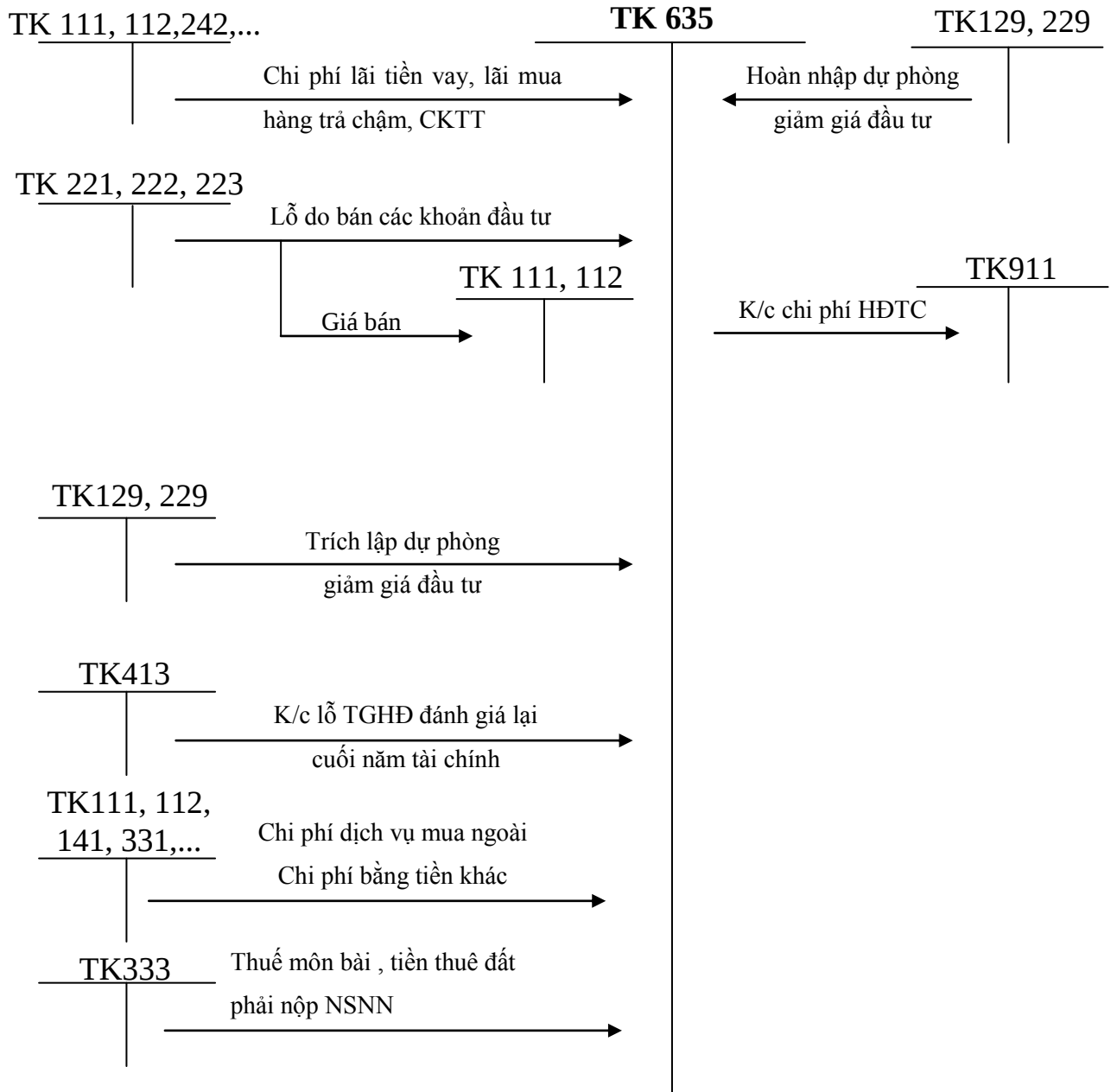
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 635 như sau:

✓ Bên Nợ:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
 - + Lỗ ngoại tệ.
 - + Chiết khấu thanh toán cho người mua.
 - + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
 - + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
 - + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
 - + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- ##### **✓ Bên Có:**
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ##### **✓ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.**

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.4.9. Kế toán chi phí khác

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 811: "Chi phí khác"

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811:

✓ Bên Nợ:

- + Các khoản chi phí khác phát sinh.

✓ Bên Có:

+ Cuối kỳ kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

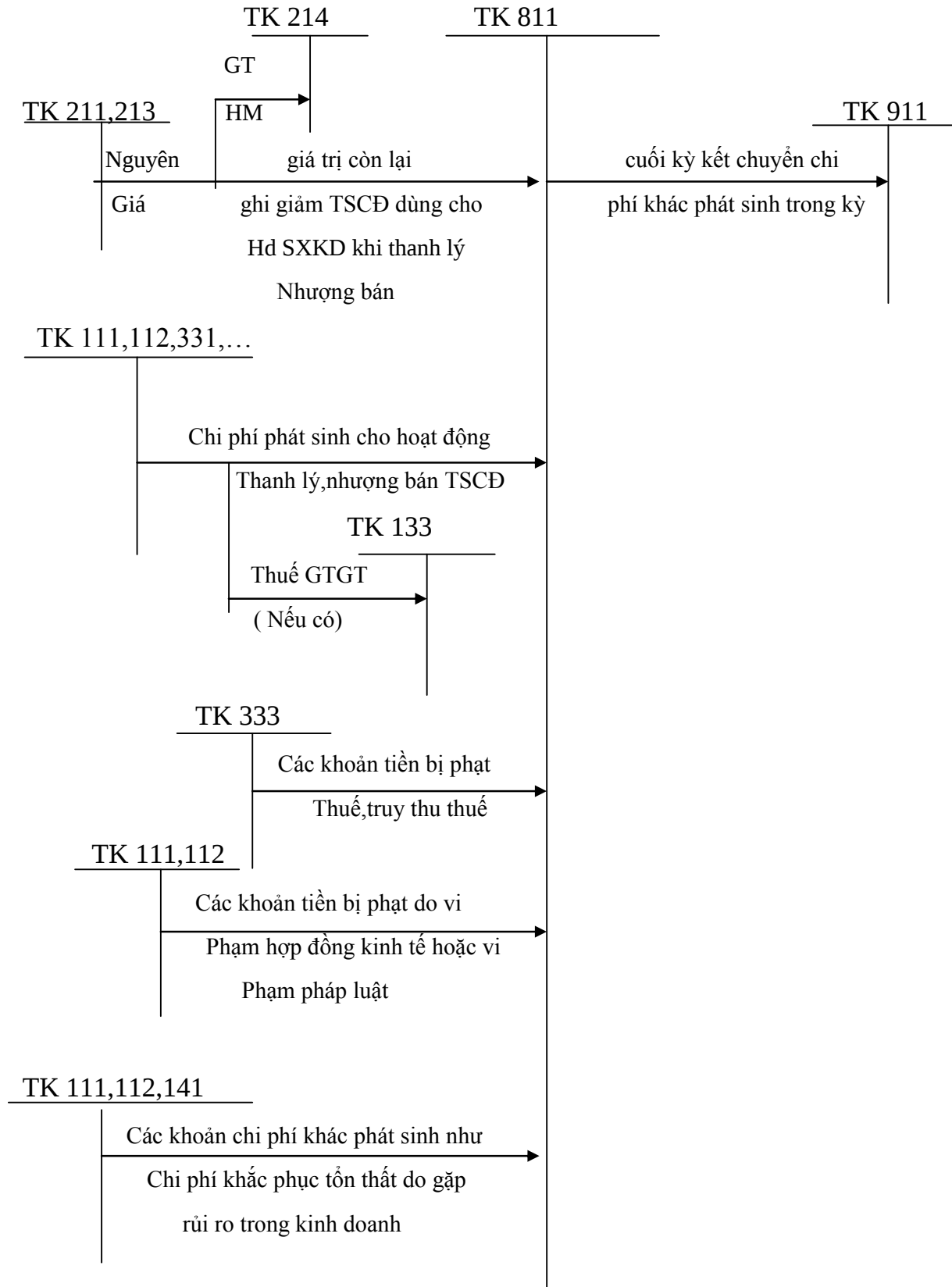
❖ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

(áp dụng theo hình thức Sổ Nhật ký chung)

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 811, TK 111, TK 112.

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí khác



1.4.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.10.1 Kế toán chi phí thuế TNDN

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

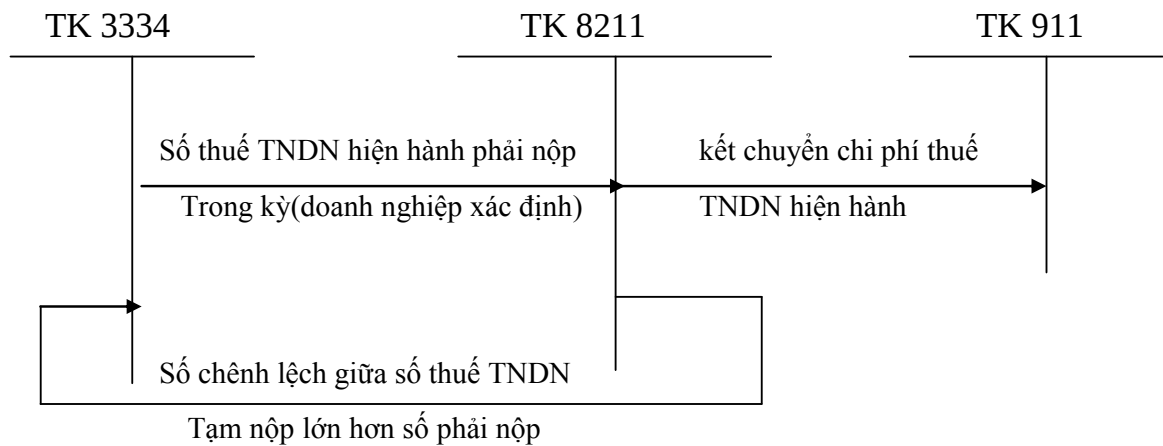
Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có các tài khoản cấp 2:

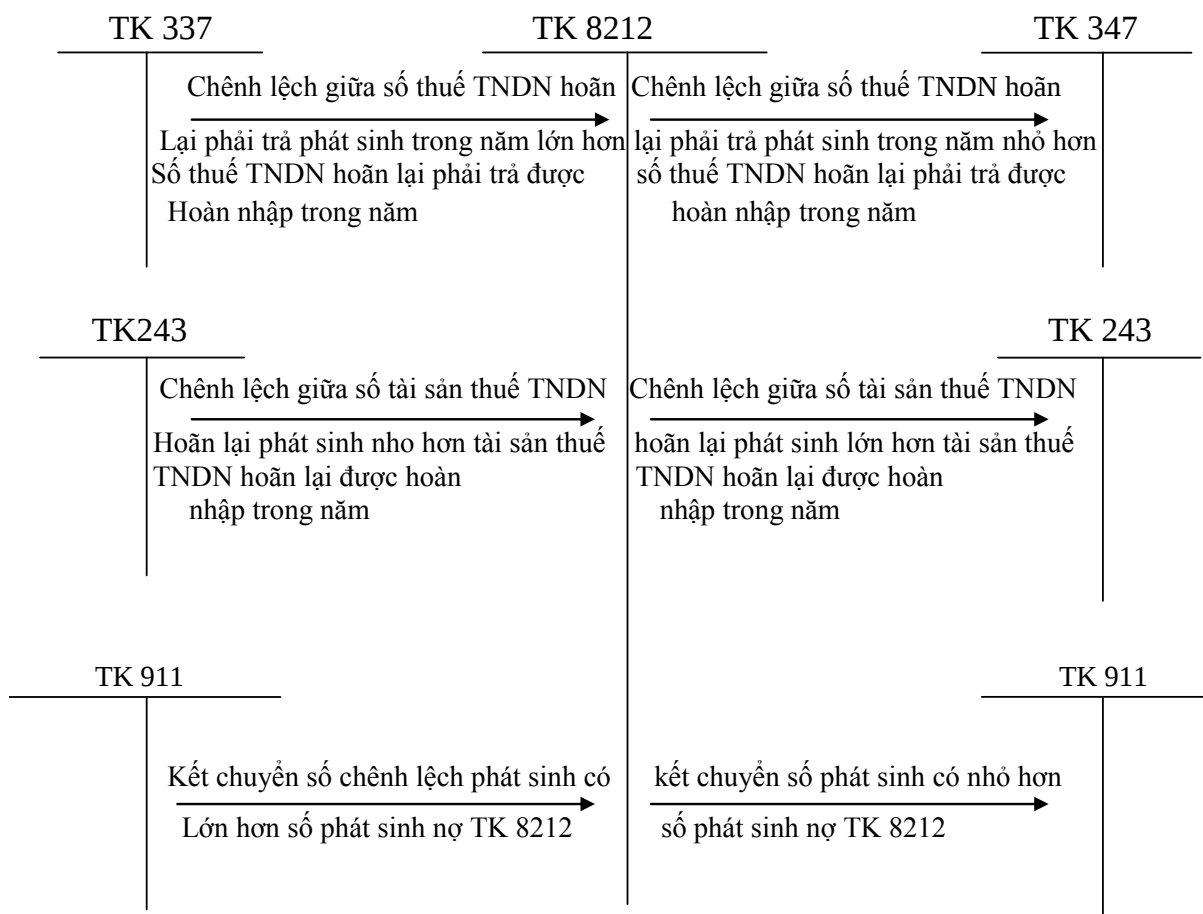
- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.17: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.18: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.4.10.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911:

✓ Bên Nợ:

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ.

+ Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết chuyển lãi.

✓ Bên Có:

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.

+ Kết chuyển lỗ.

✓ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 421:Lợi nhuận chưa phân phối

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 421

✓ Bên Nợ

+ Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.

+ Chia cổ tức, chia lợi nhuận cho các cổ đông, các bên tham gia liên doanh...

+ Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

+ Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✓ Bên Có

+ Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên cấp trên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.

+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

✓ Tài khoản 421 có thể có số dư bên nợ hoặc bên có.

Dư bên Nợ:Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Dư bên Có:Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

❖Sổ sách kế toán sử dụng:

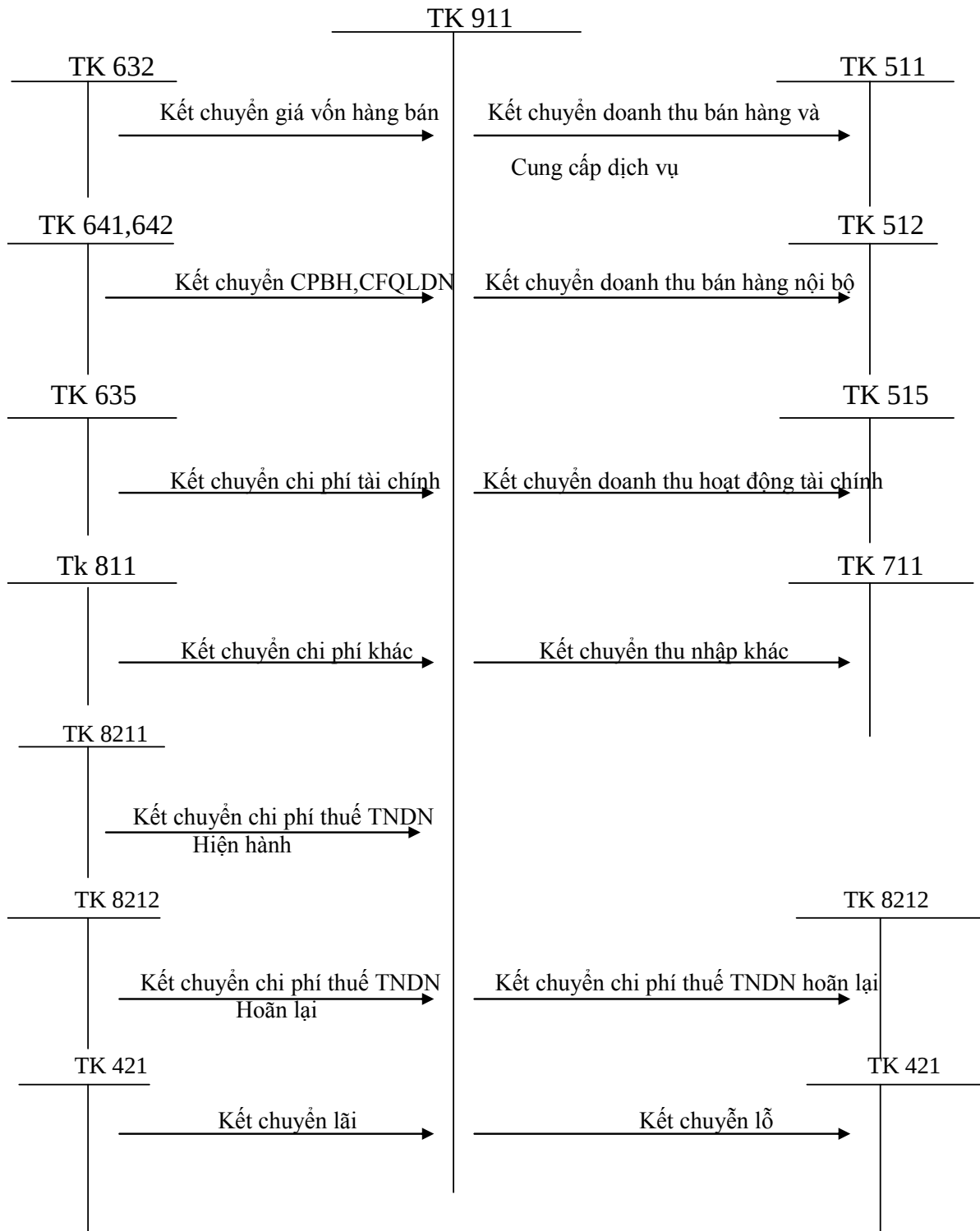
(áp dụng theo hình thức Sổ Nhật ký chung)

- Sổ Nhật ký chung.

- Sổ cái TK 911, TK 421.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.19: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.5 Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

❖Doanh nghiệp áp dụng một trong các hình thức sau:

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung
2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- 4.Hình thức kế toán Nhật ký-chứng từ
5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Để dễ dàng cho việc nghiên cứu, em xin được đi sâu vào hình thức kế toán mà Công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường áp dụng, cụ thể là công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

❖Hình thức kế toán Nhật ký chung

✓ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung

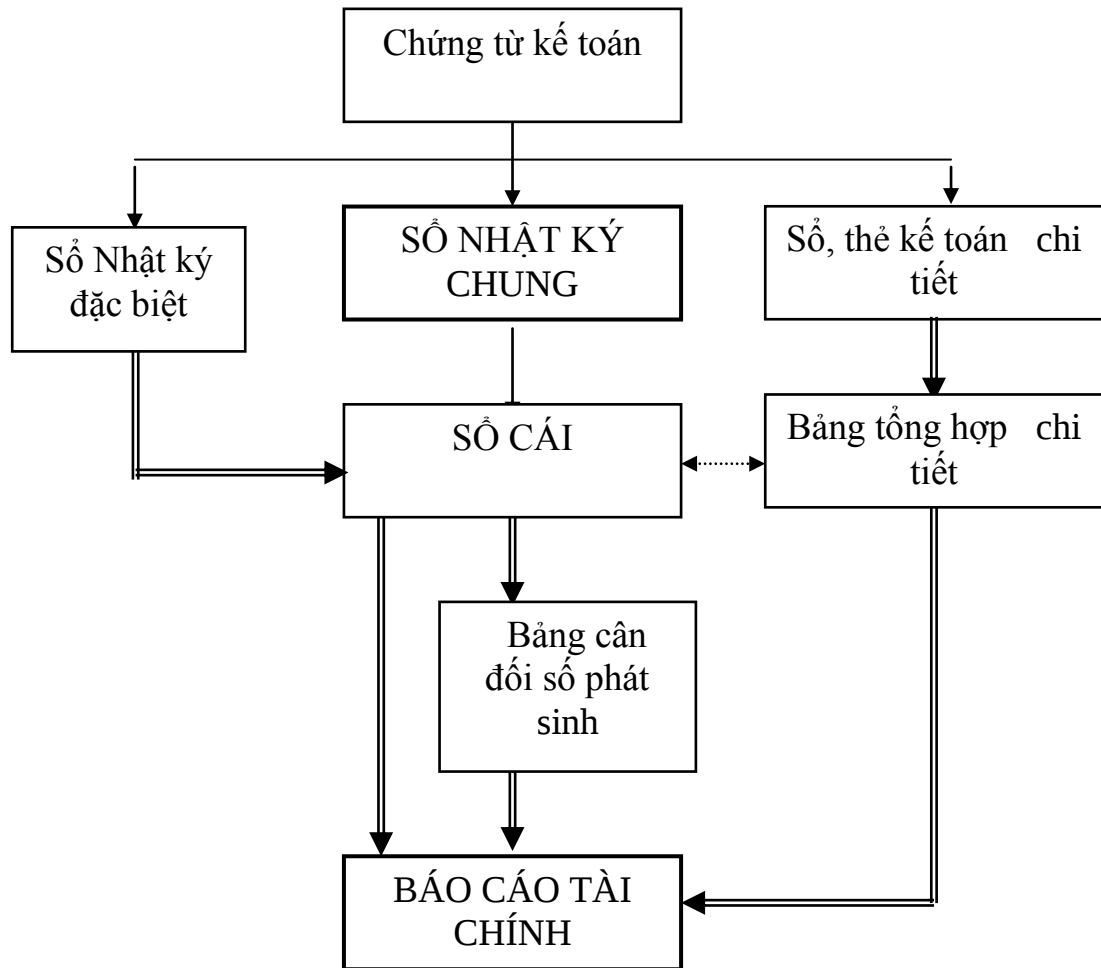
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG

2.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty.

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường được thành lập ngày 12/06/2005 theo giấy phép của UBND quận Kiến An theo số đăng ký kinh doanh là 0202000897. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trụ sở giao dịch của công ty đặt tại: 17 Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Điện thoại: 0313678657

Fax:

Mã số thuế: 0200578165

Số vốn điều lệ của công ty là: 11.000.000.000 đồng

Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh. Công ty được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Techcombank. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Sau hơn 5 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động. Công ty đã sử dụng và khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, tài sản có hiệu quả. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn, các tổ chức kinh tế trong nước và đã tạo được lòng tin đối với khách hàng. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và kết quả đạt được là lợi nhuận của công ty không ngừng tăng lên hàng năm, điều đó đã

đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty và giúp công ty phục vụ tái sản xuất. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

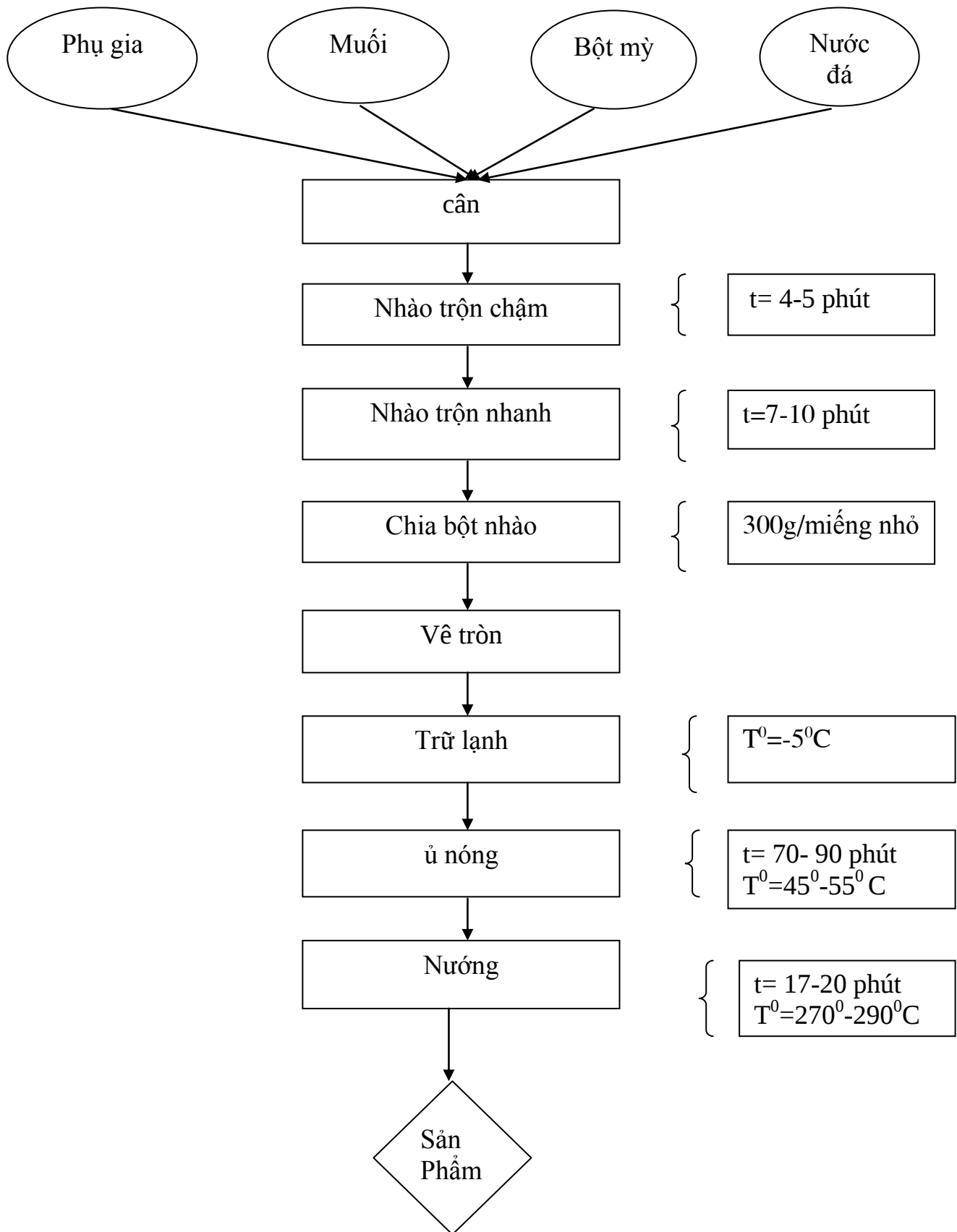
❖Mặt hàng sản xuất:

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường sản xuất các mặt hàng là bánh kẹo, bim bim, bánh mì bông lan, bánh mỳ bơ sữa, bánh mỳ ruốc... để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

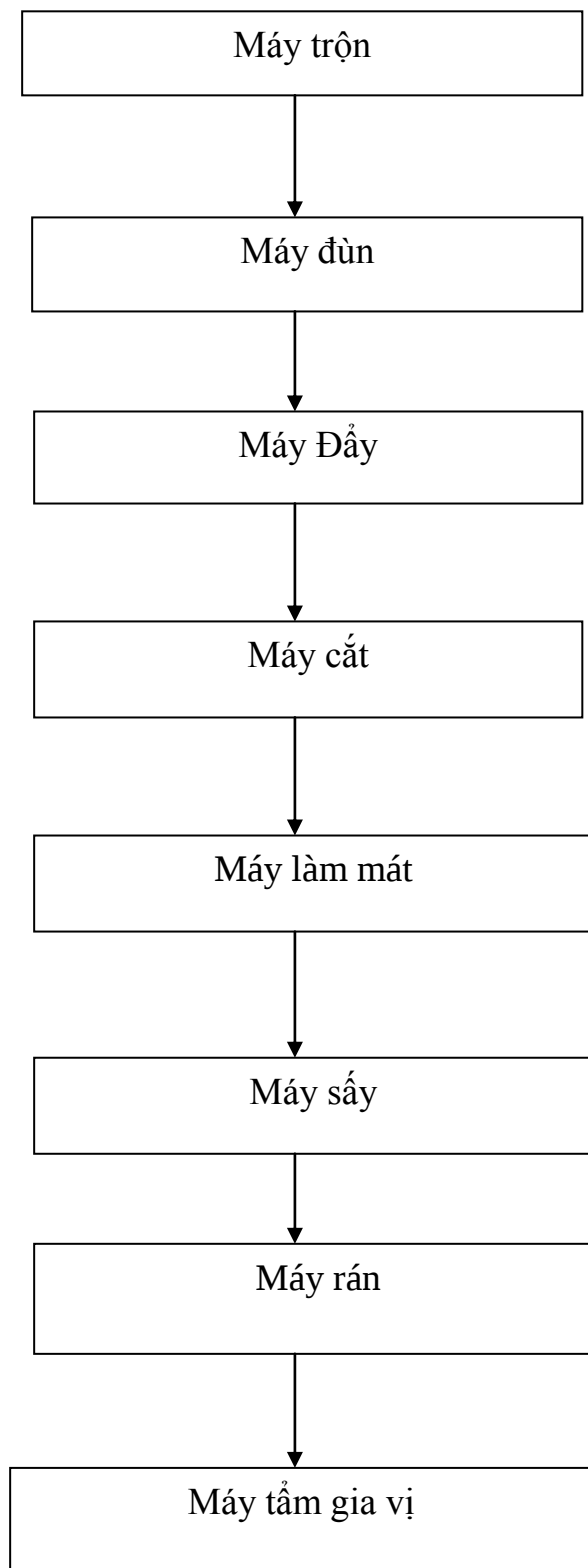
❖Quy trình sản xuất:

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường sản xuất sản phẩm trên dây chuyền công nghệ hiện đại kể từ khi đưa nguyên liệu vào sản xuất cho đến khi nguyên liệu được hoàn thành, cho nên sản phẩm sản xuất ra có chất lượng cao.

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất sản phẩm (bánh mỳ)



Sơ đồ 2.2: Quy trình sản xuất bim bim



Đặc điểm sản phẩm

Sản phẩm được sản xuất với nguồn nguyên liệu từ trong nước. Sản phẩm sản xuất ra được hoàn thành và đưa ra tiêu thụ trong nước.

➤ Sản phẩm bánh mỳ:

Yêu cầu về hình dạng bên ngoài: nguyên vẹn, hình dạng đồng đều, nở đều, mặt bánh láng đẹp, không rạn nứt, không biến dạng.

Mùi bánh thơm, có vị của bánh, không mốc, không mùi vị lạ, không có bụi sạn cát.

Trạng thái bên trong: ruột bánh xốp, có tính đàn hồi, trong ruột không được lẫn những bột chưa chín hoặc đặc quánh.

Mùi: Thơm dậy mùi bơ sữa và mùi đặc trưng của sản phẩm.

Vị: đặc trưng của sản phẩm, hậu vị tốt.

Màu sắc: màu vàng rom.

Chỉ tiêu hóa lý:

Độ ẩm: 40%-45%

Không có độc tố vi nấm

Hàm lượng đạm không nhỏ hơn 10%

Chỉ được dùng những chất lên men bột quy định.

Chỉ tiêu vi sinh:

Vi sinh vật giới hạn cho phép trong 1g:

Tổng số vi khuẩn hiếu khí 10^6

Vi khuẩn kỵ khí: không có

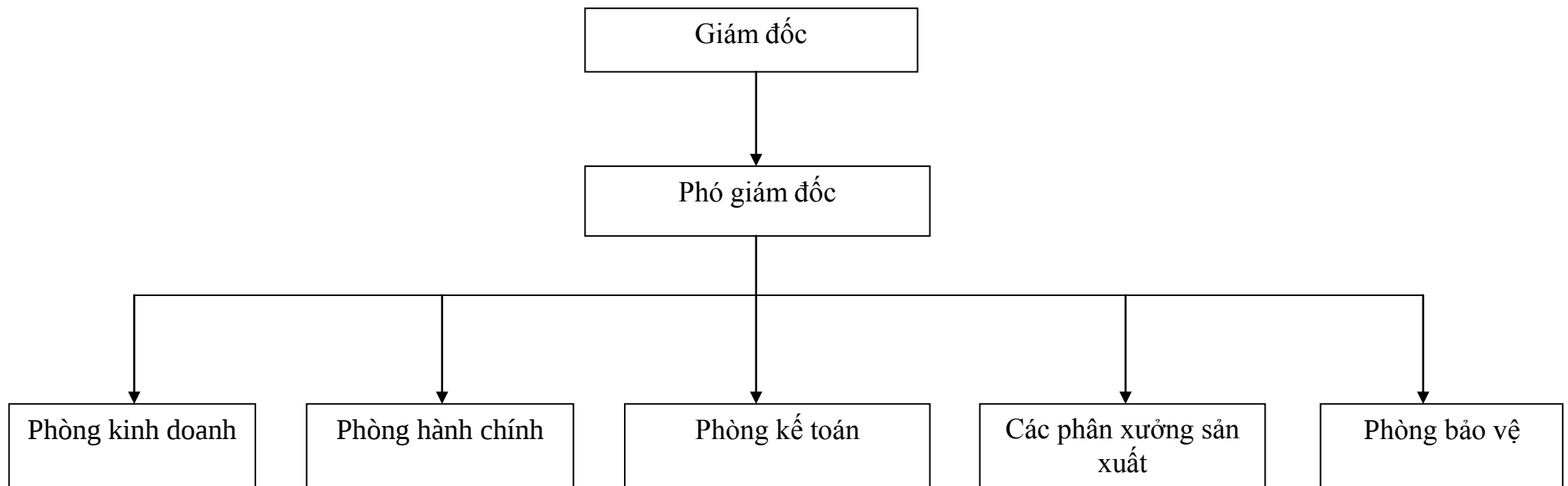
Nấm mốc: không có

Nhãn mác, bao bì: bao bì cách ly bánh khỏi môi trường bên ngoài không bị xâm nhập bởi vi sinh vật, không bị hút ẩm không khí. Tạo lớp khí trơ xung quanh để bánh không bị xẹp nát trong quá trình lưu thông vận chuyển.

Tạo thẩm mỹ cho bánh, lôi cuốn người mua, hướng dẫn cách bảo quản và đồng thời cung cấp thông tin cần thiết về nhà sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, thông tin sản phẩm.

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.3: Bộ máy cơ cấu tổ chức quản lý của công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường



Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

Giám đốc là người quản lý toàn bộ vốn, tài sản của Công ty và sử dụng vốn, tài sản đó vào việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của điều lệ Công ty, luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật nhằm:

Tạo việc làm, bảo đảm đời sống cho người lao động.

- Bảo toàn vốn, tài sản của Công ty và không ngừng tích lũy vốn tái mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước.

Giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Công ty theo điều lệ Công ty, luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Giám đốc: là người duy nhất ký duyệt mọi chứng từ chi tiêu phục vụ cho mọi hoạt động của Công ty và các quyết định chứng từ, khen thưởng bằng vật chất cho người lao động, hoặc khách hàng.

Giám đốc được uỷ quyền cho Phó giám đốc điều hành công việc theo chức năng khi giám đốc vắng mặt.

Phó giám đốc: Giám đốc phân nhiệm vụ và giao cho Phó giám đốc điều hành công việc thuộc trách nhiệm của mình trên cơ sở định hướng. Phó giám đốc được quyền quyết định khi Giám đốc vắng mặt và chịu trách nhiệm trước Giám đốc. Phó Giám đốc ký thay giám đốc các lệnh sản xuất, phiếu xuất hàng hoặc hoá đơn bán hàng khi Giám đốc vắng mặt, phân công công việc cho các phòng ban, phân xưởng sản xuất. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc thực hiện nghiêm chỉnh lệnh sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ sản xuất kinh doanh do Giám đốc uỷ quyền.

Phó giám đốc được bổ nhiệm để giúp việc cho giám đốc về các nghiệp vụ. Trưởng phòng giúp việc cho giám đốc quản lý, điều hành thực hiện một loại hoặc một số loại công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao.

Phòng kinh doanh: Giúp Giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm nắm chắc toàn bộ nội dung công việc kỹ thuật sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư.

Phòng kế toán: Ghi chép và hạch toán các khoản thu chi, theo luật kế toán đồng thời tham mưu cho Giám đốc về lĩnh vực quản lý tài chính.

Phòng Tổ chức hành chính: Quản lý cơ cấu lao động và tình hình biến động về lao động của Công ty.

Các phân xưởng sản xuất: Có nhiệm vụ sản xuất các sản phẩm, đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, sản phẩm được hoàn thành theo đúng tiến độ hợp đồng. Tổ trưởng sản xuất quản lý giao việc trực tiếp cho người lao động của tổ và cùng với tổ phó tổ chức lao động và hoàn thành công việc mà quản đốc giao.

Phòng bảo vệ: Giúp giám đốc trong công tác bảo vệ, tổng hợp tình hình chung của Công ty về an ninh trật tự.

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường tổ chức theo cơ chế trực tiếp và có mối quan hệ thống nhất, mỗi phòng ban đảm nhiệm một chức năng cụ thể để quản lý theo chuyên môn của mình. Với cơ cấu tổ chức quản lý này, đội ngũ tổ chức trong công ty và các chi thị không bị chồng chéo nhau, vì thế có thể quản lý dài bằng các tuyến theo quyền lực quản lý.

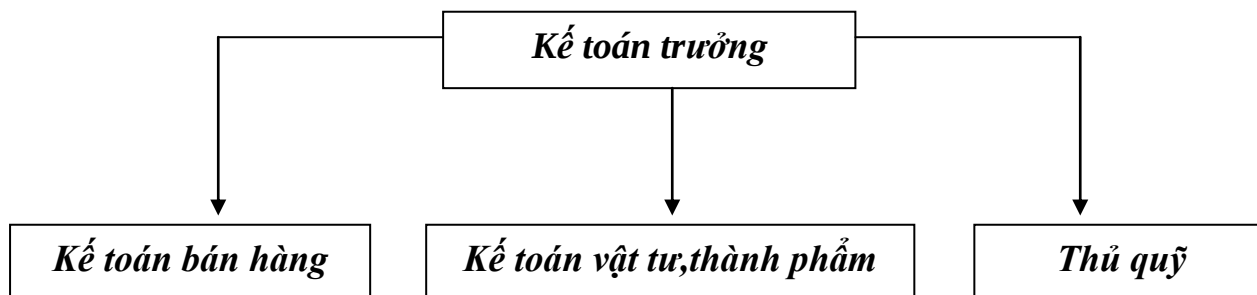
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là phòng tài chính kế toán. Trong phòng kế toán kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các nhân viên kế toán. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán của Công ty.

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

Bộ kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

**Sơ đồ 2.4 tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại
và sản xuất Phú Đường.**



Nhận xét: Bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường tổ chức theo mô hình tập trung, hay còn gọi là tổ chức bộ máy kế toán một cấp. Theo mô hình này đơn vị kế toán độc lập chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán ở mọi phần hành kế toán. Theo mô hình này kế toán trưởng sẽ là người tổng hợp thông tin để lập báo cáo tài chính

Trong đó:

Kế toán trưởng:

✓ Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Kế toán trưởng là người tổng hợp tất cả các số liệu đã được hạch toán theo từng khâu, kiểm tra độ chính xác để lập bảng cân đối số phát sinh các tài khoản, lập báo cáo tài chính, lập báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan nhà Nước, tổng hợp chi phí sản xuất và xác định kết quả kinh doanh.

✓ Ghi chép và phản ánh số lượng, hiện trạng giá trị TSCĐ hiện có tại công ty và trích khấu hao TSCĐ.

✓ Tính lương cho công nhân dựa vào bảng chấm công và bảng tổng hợp số lượng sản phẩm sản xuất.

✓ Trong công ty kế toán trưởng thuộc quyền của giám đốc, giúp Giám đốc tổ chức bộ máy kế toán và quản lý hoạt động tài chính của công ty theo đúng luật pháp và quy định hiện hành.

Kế toán bán hàng:

✓ Theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với khách hàng, theo dõi doanh số bán ra hàng tháng. Tổ chức hợp lý hệ thống chứng từ, hệ thống sổ sách nhằm theo dõi công nợ cho từng khách hàng, từng người bán.

Kế toán vật tư, thành phẩm:

✓ Cung cấp thông tin về số lượng chủng loại, chất lượng các loại vật liệu, công cụ nhập, xuất, tồn theo từng thời điểm. Cung cấp thông tin về giá trị nhập, xuất, tồn theo giá thực tế để có kế hoạch quản lý vốn lưu động của công ty và tính giá thành sản phẩm. Cung cấp thông tin về tình trạng quản lý vật liệu, công cụ trong quá trình sử dụng và dự trữ trên cơ sở định mức tiêu hao, định mức tồn kho nhằm phát hiện tình trạng thừa thiếu vật liệu, công cụ dụng cụ để đề ra các giải pháp kịp thời

✓ Cung cấp thông tin về số lượng, chủng loại, chất lượng các loại sản phẩm để tránh tình trạng thiếu thừa sản phẩm. Cung cấp thông tin về giá trị nhập, xuất, tồn theo giá trị thực tế.

Thủ quỹ:

✓ Hàng ngày phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách. Phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong quản lý và sử dụng tiền mặt. Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ)

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Các chính sách phương và pháp kế toán đang áp dụng:

- Kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp nhập trước xuất hiện.
- Tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đều.
- Tính giá trị sản phẩm dở dang theo ước tính sản lượng tương đương.
- Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn).
- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 /N.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- Kiểm tra chứng từ: Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- Hoàn chỉnh chứng từ: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất, ... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

Luân chuyển chứng từ: Tuỳ theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

Lưu trữ chứng từ: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và theo đúng quy định.

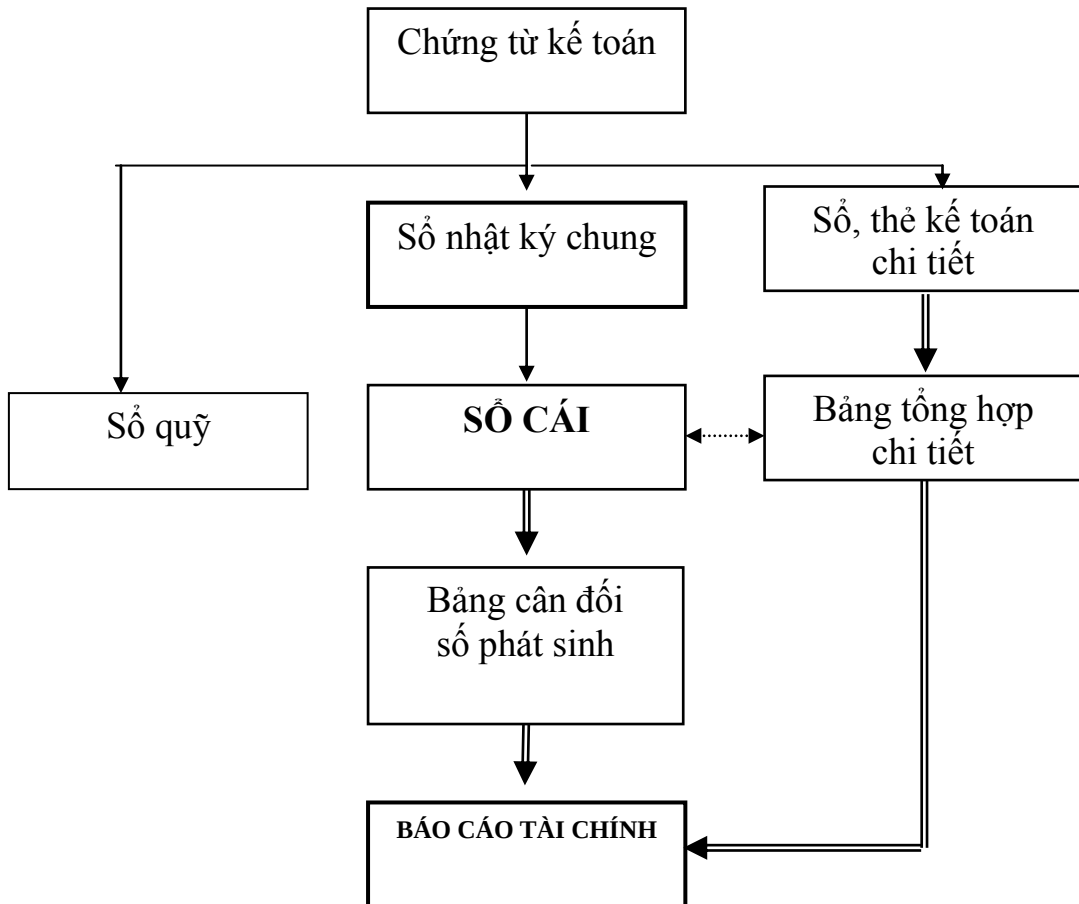
Đặc điểm chủ yếu của hình thức " Nhật ký chung" là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ sổ NKC vào sổ cái tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Trình tự ghi sổ như sau:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào cá chứng từ gốc ghi vào sổ NKC, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Từ 3 đến 5 ngày từ NKC, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo.
5. Lập báo cáo quyết toán:

- Bảng cân đối tài khoản
- Bảng cân đối kế toán
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn hàng bán

✓ Phương thức bán hàng của công ty:

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường có 2 phương pháp bán hàng chủ yếu là:

- Bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, cho các cửa hàng tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Bán hàng thông qua các cửa hàng đại lý, các trung tâm tiêu thụ sản phẩm của công ty tại Hải Phòng.

✓ Phương thức thanh toán

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.
- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.
- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người này sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

✓ Đặc điểm doanh thu công ty

- Doanh thu của công ty bao gồm các khoản tiền thu được từ hoạt động bán sản phẩm bim bim, bánh mì ruốc, bánh mì bơ sữa, bánh mì bông lan nhỏ, bột mì SaoLa, bột mì Đông Hồ, bột mì Hải Cầu.
- Ngoài ra công ty còn hạch toán khoản doanh thu từ tiền lãi ngân hàng vào tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đây là một trong những

hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán của doanh nghiệp, và sẽ được trình bày trong phần kiến nghị chương 3.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01GTKT-3LL)
- Hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, phiếu kế toán, giấy báo có,...)
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra

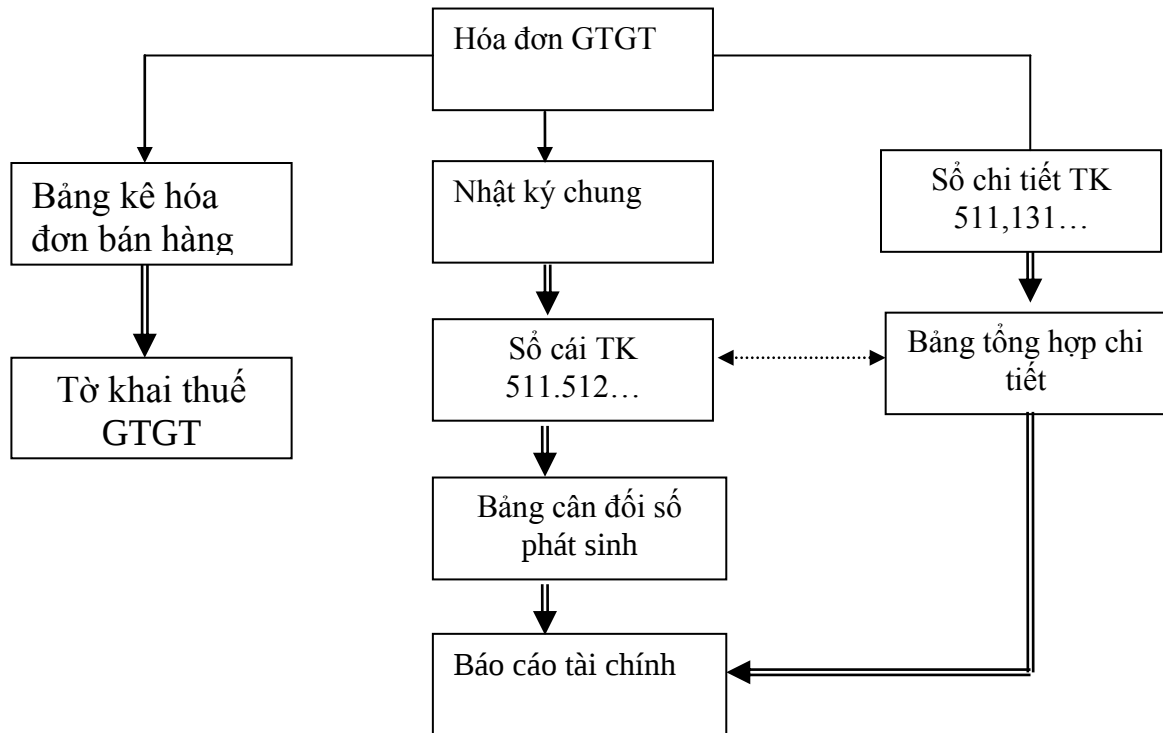
....

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ cái Tk 511,...

❖ Quy trình hạch toán:

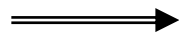
Sơ đồ 2.6 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



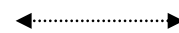
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra đối chiếu

Ví dụ: Ngày 03/12/2010 xuất bán bánh mỳ bơ sữa số tiền 6.500.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt (chưa bao gồm thuế GTGT). Kế toán tiến hành vào sổ kế toán.

Biểu số 2.1

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 03 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT -3LL TR/2010B 0047153																
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường																			
Địa chỉ: Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>7</td><td>8</td><td>1</td><td>6</td><td>5</td> <td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	5	7	8	1	6	5				
0	2	0	0	5	7	8	1	6	5										
Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Hương																			
Tên đơn vị: Đại lý Dưỡng Hương																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: TMMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> <td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>																			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Bánh mỳ bơ sữa	Thùng	100	65.000	6.500.000														
2																			
3																			
Cộng tiền hàng: 6.500.000																			
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 650.000																			
Tổng cộng tiền thanh toán 7.150.000																			
Số tiền viết bằng chữ: bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

Biểu số 2.2

CÔNG TY TNHH TM VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG

Mẫu số 01

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số 23

Số CT 03/12

PHIẾU THU

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Số:1303

TK ghi có	Số tiền
511,3331	7.150.000

Họ tên người nộp tiền : Bùi Thị Hương

Địa chỉ : Thủ quỹ

Lý do nộp : Thu tiền hàng

Số tiền : 7.150.000

Số tiền viết bằng chữ: : bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo : 1 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền: bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 3*) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung đồng thời phản ánh vào Sổ chi tiết bán hàng

Sổ chi tiết bán hàng được lập cho từng loại sản phẩm, trên đó phản ánh: ngày tháng ghi sổ, số hiệu chứng từ, hình thức thanh toán, các khoản giảm trừ. Cụ thể, đối với hóa đơn GTGT trên, kế toán sẽ vào Sổ chi tiết bán hàng cho thành phẩm bánh mỳ bơ sữa

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 và Sổ cái các TK khác có liên quan.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ cái TK 511 để lập Bảng cân đối số phát sinh. Bảng tổng hợp doanh thu được lập từ Sổ chi tiết bán hàng, sau khi kiểm tra đối chiếu với Sổ cái TK 511, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Địa chỉ: Số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Điện thoại: 0313.678.657

Biểu số 2.3

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV Năm 2010

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....						
01/12	PT 1301	01/12	Thu tiền của khách hàng	111	6.549.950	
1/12	HĐGTGT 47148	01/12	Xuất bán thành phẩm	511		5.954.500
1/12	HĐGTGT 47148	01/12	Thuế GTGT bán thành phẩm	3331		595.450
1/12	PX1210	1/12	Giá vốn	632	4.914.900	
	PX1210	1/12		155		4.914.900
02/12	PC1110	02/12	Thanh toán tiền hàng	331,	16.500.000	
02/12	PC1110	02/12		111		16.500.000
03/12	PT1303	03/12	Thu tiền bán bánh mỳ bơ sữa	111	7.150.000	
03/12	HĐ GTGT 47153	03/12	Xuất thành phẩm bán	511		6.500.000
	HĐ GTGT 47153	03/12	Thuế GTGT	3331		650.000
.....						
31/12	PBC Số 112	31/12	nhận giấy báo có về khoản tiền lãi NH	112	2.875.000	
31/12	PBC Số 112	31/12	Ghi nhận vào doanh thu	511		2.875.000
31/12	PKT 120	31/12	Kết chuyển giá vốn quý IV	911	2.494.524.400	
31/12				632		2.494.524.400
31/12	PKT 121	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý IV	511	2.925.397.000	
				911		2.925.397.000
			cộng Fs quý IV		38.425.005.800	38.425.005.800

Biểu 2.4**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG****TK: 511****Tên sản phẩm: Bánh mỳ bơ sữa****Quý 4 năm 2010****Đơn vị: thùng**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
0047152	1/12/2010	Bán cho công ty CP Tiến Hưng	111	400	65.000	26.000.000	
0047153	3/12/2010	Bán cho đại lý Dưỡng Hường	111	100	65.000	6.500.000	
0047154	3/12/2010	Bán cho Công ty TNHH Công Thành	131	300	65.000	19.500.000	
		...	...	...	...	...	
		Cộng số phát sinh		4000		260.000.000	
		Doanh thu thuần				260.000.000	
		Giá vốn hàng bán				212.300.000	
		Lãi gộp				47.700.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010**Người ghi sổ****Kế toán trưởng**

Biểu 2.5

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Địa chỉ: số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
			Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền	Thuế	521,531
1	Bim bim	Bịch	21.600	59.545	1.286.172.000		
2	Bánh mỳ bơ sữa	thùng	4000	65.000	260.000.000		
3	Bánh mỳ bông lan nhỏ	thùng	4000	139.650	558.600.000		
4	Bánh mỳ bơ ruốc	thùng	4000	87500	350.000.000		
5	Bột mỳ Sao La	kg	18000	12.000	216.000.000		
6	Bột mỳ Đông Hồ	kg	18000	10.000	180.000.000		
7	Bột mỳ Hải Cầu	kg	6000	11.000	66.000.000		
	Cộng				2.916.772.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.6

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Địa chỉ:17-Trường Chinh-Kiến An-HP

Điện thoại:0313.678.657

SỔ CÁI

Số hiệu TK:511

Tên Tk:Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quý IV Năm 2010

Đơn vị tính:đồng

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....						
01/12	PT 1301	01/12	Doanh thu xuất bán thành phẩm	111		5.954.500
02/12	UNT 1002	02/12	Doanh thu bán thành phẩm	112		29.772.500
03/12	PT 1303	04/12	Thu tiền bánh bánh mỳ bơ sữa	111		6.500.000
4/12		4/12	Doanh thu bán bánh mỳ bông lan	131		13.965.000
...	...					
31/12	PBC 112	31/12	nhận phiếu báo có của NH về khoản tiền lãi tháng 12	112		2.875.000
31/12	PKT 121	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV	911	2.925.397.000	
			Cộng PS quý IV		2.925.397.000	2.925.397.000
			Số dư cuối quý			

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7**BẢNG KÊ HÓA ĐƠN,CHỨNG TỪ HÀNG HÓA,DỊCH VỤ BÁN RA****(Kèm theo tờ khai thuế GTGT tháng 12 năm 2010)****Kỳ tính thuế :tháng 12 năm 2010****Người nộp thuế: Công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường****Mã số thuế : 0200578165**

STT	Hóa đơn,chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu	Số HĐ	Ngày,Tháng Năm							
1	TR/2010B	0047151	01/12/2010	Đặng Văn Thoan		Bim bim	5.954.500	10%	595.450	
2	TR/2010B	0047152	01/12/2010	Công ty CP Tiến Hưng	2300223949	Bánh mỳ,bột mỳ	10.600.000	10%	1.060.000	
3	TR/2010B	0047153	03/12/2010	Bùi Thị Hường		Bánh mỳ	6.500.000	10%	650.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	

Tổng giá trị hàng hóa,dịch vụ bán ra: 770.724.000**Tổng thuế GTGT của hàng hóa,dịch vụ bán ra : 77.072.400***Ngày 10 tháng 01 năm 2011***Đại Diện Hợp Pháp Của Người Nộp Thuế**

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Quy định về ghi nhận giá vốn:

- Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm bán trong kỳ.
- Việc ghi nhận giá vốn phải tuân theo nguyên tắc: khi phát sinh một khoản doanh thu bán thành phẩm thì mới ghi nhận một khoản giá vốn tương ứng của thành phẩm đó.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

Đặc điểm giá vốn hàng bán của công ty TNHH TM & SX Phú Đường

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất để xác định giá vốn hàng bán.

Cũng như hầu hết các công ty sản xuất khác trong ngành, công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường luôn coi trọng đúng mức việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm công ty sản xuất, từ đặc thù của sản phẩm sản xuất và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành cho quá trình sản xuất sản phẩm là tập hợp chi phí sản xuất của từng sản phẩm.

- Giá vốn hàng bán được cấu thành từ 3 khoản mục chi phí: chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 632- Giá vốn hàng bán.
- TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

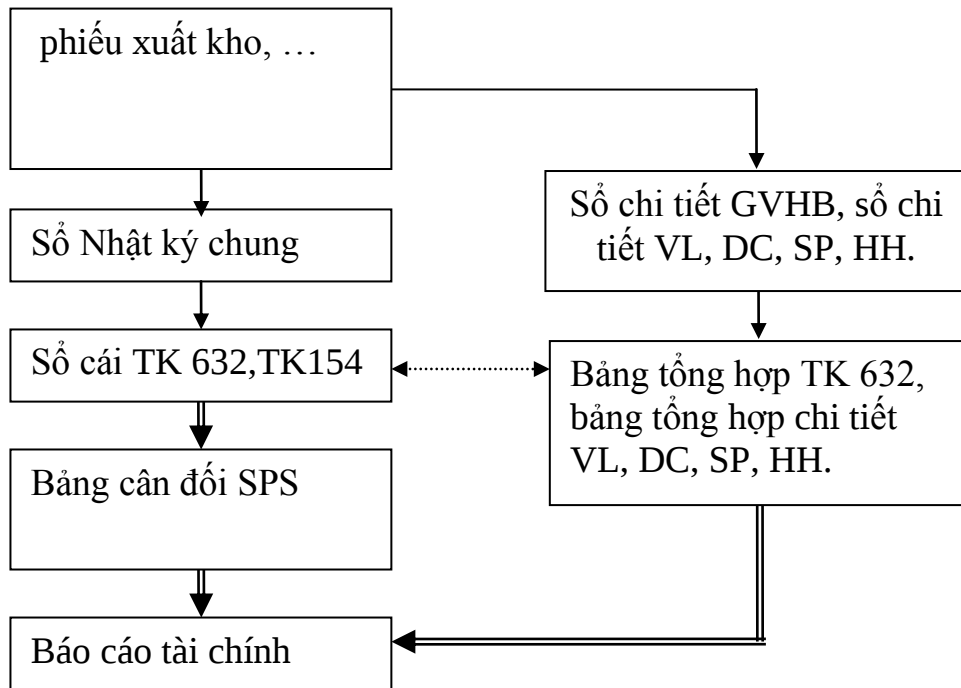
❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ chi tiết giá vốn.

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- Sổ cái TK 632, TK 154.

❖ **Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán**

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối năm: ==>

Quan hệ đối chiếu: <-.-.-.->

Ví dụ: Ngày 03/12/2010 xuất bán bánh mỳ bơ sữa số tiền 6.500.000 đồng đã thanh toán bằng tiền mặt (chưa bao gồm thuế GTGT). Kế toán tiến hành vào sổ kế toán

- Thủ kho lập phiếu xuất kho và gửi lên phòng kế toán. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên: 1 liên lưu tại sổ, 1 liên gắn với hóa đơn GTGT để làm chứng từ, liên còn lại giao cho người nhận hàng.

- Căn cứ vào bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT kế toán vào nhật ký chung và các sổ cái liên quan.

Biểu 2.8

Đơn vị:.....

PHIẾU XUẤT KHO

QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

Địa chỉ:.....

Ngày 03 tháng 12 năm 2010
Số 1213

Nợ: 632

Có: 155

- Họ tên người giao hàng:

- Lý do xuất :Xuất bán

-Xuất tại kho :Công ty

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Bánh mỳ bơ sữa		thùng	100	100	53.075	5.307.500
	Cộng						5.307.500

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu ba trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng chẵn

Xuất , Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Biểu 2.9

Đơn vị: Công ty TNHH TM và SX Phú Đường

Địa chỉ: Số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Điện thoại: 0313.678.657

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV Năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
03/12	PX1213	03/12	Xuất bán thành phẩm	632	5.307.500	
03/12	PX1213	03/12		155		5.307.500
03/12	PT 1303	03/12	Thu tiền	111	7.150.000	
03/12	HĐ GTGT 47153	03/12	Doanh thu bán thành phẩm	511		6.500.000
03/12		03/12	Thuế GTGT	3331		650.000
10/12	PX1230	10/12	Xuất bán thành phẩm	632	12.465.000	
10/12	PX1230	10/12		155		12.465.000
10/12	PT 1320	10/12	Thu tiền	111	15.361.500	
10/12	HĐ GTGT 47162	10/12	Doanh thu bán thành phẩm	511		13.965.000
10/12		10/12	Thuế VAT	3331		1.396.500
10/12	PN1208	10/12	Nhập kho từ sản xuất	155	5,307.500	
10/12	PN1208	10/12		154		5.307.500
17/12	UNC 1001	17/12	Thanh toán tiền làm biển quảng cáo	641	15.000.000	
17/12	UNC 1001	17/12	Thuế VAT đầu vào	133	1.500.000	
17/12	UNC 1001	17/12		112		16.500.000
.....						
			Cộng FS quý IV		38.425.005.800	38.425.005.800

Kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Biểu 2.10

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Địa chỉ: Số 17-Trường Chinh –Kiến An –Hải Phòng

Điện thoại: 0313.678.657

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên Tk: Giá vốn hàng bán

Quý IV Năm 2010

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....						
01/12/10	PX1210	01/12/10	Xuất bán thành phẩm	155	4.914.900	
02/12/10	PX1212	02/12/10	Xuất thành phẩm bán	155	4.914.900	
03/12/10	PX1213	04/12/10	Xuất bán bánh mỳ bơ sữa	155	5.307.500	
...		...				
31/12/10	PKT120	31/12/10	Kết chuyển giá vốn Quý IV	911		2.494.524.400
			Cộng số phát sinh quý IV		2494.524.400	2.494.524.400
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11**(SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)**

Quý IV năm 2010

Tài khoản : 155

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Bánh mỳ bơ sữa**Đơn vị tính :thùng**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Ngày tháng	Số hiệu				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ							0	0	
.....											
09/12/2010	PX 1222	Xuất bán thành phẩm	632	53.075			100	5.307.500	500	26.537.500	
10/12/2010	PX 1224	Xuất bán thành phẩm	632	53.075			100	5.307.500	400	21.230.000	
10/12/2010	PN 1208	Nhập kho từ sản xuất	154	53.075	100	5,307.500			500	26.537.500	
11/12/2010	PN 1212	Nhập kho từ sản xuất	154	53.075	156	8.279.700			656	34.817.200	
.....											
		Cộng số phát sinh			4000	212.300.000	4000	212.300.000			
		Tồn cuối kỳ							0	0	

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Hiện tại ở công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Công ty không có chính sách giảm giá hàng bán.
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt
- Sản phẩm của công ty chỉ tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu.
- Công ty thực hiện chính sách bán hàng trực tiếp tại kho, trường hợp đổi

hàng thì sẽ có nhân viên của bên nhận đổi hàng nhận hàng tại kho của doanh nghiệp nên công ty không có hàng bán bị trả lại.

2.2.1.4 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty TNHH TM và SX Phú Đường có đặc điểm sau:

- Các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động bán hàng, gồm: chi phí vận chuyển, chi phí quảng cáo, chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí điện thoại, văn phòng phẩm ... phát sinh ở bộ phận bán hàng.

- Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp và chứng từ hợp lệ, đầy đủ, và được tổng hợp vào bên nợ TK 641-Chi phí bán hàng.

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối kỳ.

Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ tiền lương,
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 641- Chi phí bán hàng.
- TK 111- Tiền mặt.
- TK 112- Tiền gửi Ngân hàng.
- TK 331- Phải trả người bán.

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641, TK 111,...

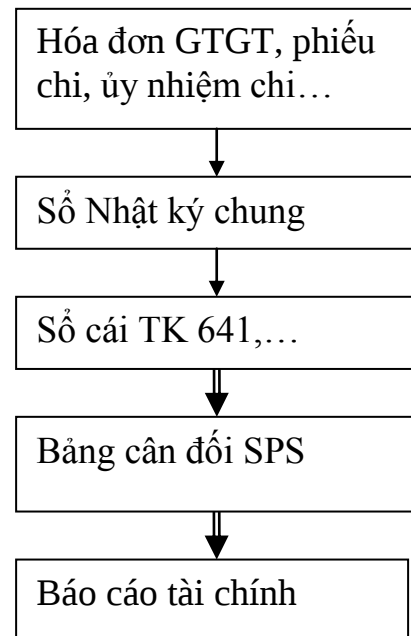
Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒



Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (liên 2), Phiếu phi, ủy nhiệm chi,... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung .

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 641

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 641 để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 17/12 chi phí làm biển quảng cáo thanh toán bằng chuyển khoản số tiền 16.500.000. Kế toán định khoản:

Nợ TK641 : 15.000.000

Nợ TK 133 : 1.500.000

Có TK 112: 16.500.000

Biểu số 2.12

HOÁ ĐƠN				Mẫu số:01 GTKT -3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				TR/2010B															
Liên 2:Giao khách hàng				002478															
Ngày 17 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Thương mại và in Hải Phòng.....																			
Địa chỉ: Số 5/55-Lô 2-Đường Quán Nam-Kênh Dương-Lê Chân-Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:.....																			
Điện thoại:0313.613.661.....MS:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>8</td><td>2</td><td>0</td><td>6</td><td>3</td><td>4</td> <td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	8	2	0	6	3	4				
0	2	0	0	8	2	0	6	3	4										
Họ tên người mua hàng:Cty TNHH TM và Sản Xuất Phú Đường																			
Tên đơn vị:																			
Số tài khoản:.....																			
Hình thức thanh toán: CKMS:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>7</td><td>8</td><td>1</td><td>6</td><td>5</td> <td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	5	7	8	1	6	5				
0	2	0	0	5	7	8	1	6	5										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Biển quảng cáo	cái	3	5.000.000	15.000.000														
2																			
3																			
Cộng tiền hàng:			15.000.000																
Thuế GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT: 1.500.000																
Tổng cộng tiền thanh toán			16.500.000																
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

Biểu số 2.13

ỦY NHIỆM CHI

Số: 1001

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU ĐIỆN

Lập ngày: 17/12/2010

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH thương mại
và sản xuất Phú Đường.

Số tài khoản: 34098899

PHẦN DŨN GHI
TÀI KHOẢN NỢ: 641,133

TÀI KHOẢN CÓ: 112

Tại ngân hàng: TECHCOMBANK Tỉnh, TP: Hải Phòng

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH TM và in Hải Phòng

Số tài khoản: 57857899

Tại ngân hàng: Thương mại Á Châu Tỉnh, TP: Hải Phòng

Số tiền bằng chữ: mười sáu triệu năm trăm nghìn

Đồng chẵn

SỐ TIỀN BẰNG SỐ:
16.500.000

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền làm biển quảng cáo

Đơn vị trả tiền

Ngân hàng A

Ngân hàng B

Kế toán Chủ tài khoản

Ghi sổ ngày

Ghi sổ ngày.....

Kê toán

Trưởng phòng kế toán

Kế toán

Trưởng phòng kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Địa chỉ: Số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Điện thoại: 0313.678.657

Biểu số 2.14

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....						
01/12	PT 1301	01/12	Xuất bán thành phẩm	111	6.549.950	
01/12	HD GTGT 47148	01/12	Doanh thu thành phẩm	511		5.954.500
01/12		01/12	VAT đầu ra	3331		595.450
17/12	UNC 1001	17/12	Thanh toán tiền làm biển quảng cáo	641	15.000.000	
17/12	UNC 1001	17/12	VAT đầu vào	133	1.500.000	
17/12	UNC 1001	17/12		112		16.500.000
	...	...		...	...	...
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương nhân viên bán hàng tháng 12	641	9.315.000	
		31/12		334		9.315.000
31/12	PKT 120	31/12	Kết chuyển giá vốn Quý IV	911	2.494.524.400	
		31/12		632		2.494.524.400
31/12/	PKT 121	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý IV	511	2.925.397.000	
		31/12		911		2.925.397.000
	PKT 122	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý IV	911	54.445.000	
		31/12		641		54.445.000
	...					
			Công FS Quý IV		38.425.005.800	38.425.005.800

Biểu số 2.15

Đơn vị: Công ty TNHH TM và SX Phú Đường
Địa chỉ: số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng
Điện thoại: 0313.678.657

SỔ CÁI
Số hiệu TK: 641
Tên Tài Khoản: Chi phí bán hàng
Năm 2010
Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
.....						
17/12/10	UNC1001	17/12/10	Chi tiền làm biển QC	112	16.500.000	
....				...	...	
31/12/10	BTLT12	31/12/10	Tính lương phải trả nhân viên bán hàng	334	9.315.000	
31/12/10	BKHT12	31/12/10	Khấu hao TSCĐ	214	1.666.666	
....						
31/12/10	PKT122	31/12/10	Kết chuyển CPBH Quý IV	911		54.445.000
			Cộng SPS quý IV		54.445.000	54.445.000
			Số dư cuối kỳ			

2.2.1.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Đặc điểm về ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường**

- Khoản mục này sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp, gồm: các chi phí về lương, vật liệu văn phòng, dụng cụ văn phòng,...

- Ngoài ra kế toán công ty còn hạch toán các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn vào khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực. Và được tổng hợp vào bên Nợ TK 642.

- Cuối kế, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

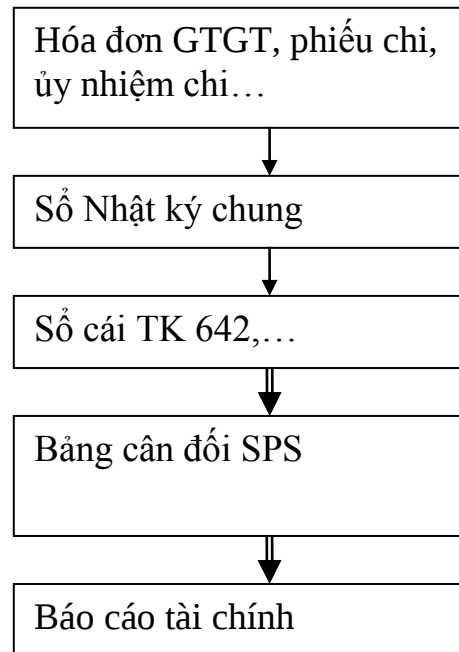
- TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642, TK 111,...

❖ **Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối năm : ⇒

Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT (*liên 2*), phiếu chi,...kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung

Từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 642 .

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: ngày 12 tháng 12 năm 2010 thanh toán tiền điện thoại ở phòng kế toán .Phiếu chi số 1132 .Kế toán định khoản

Nợ TK 642 : 1.254.464

Nợ TK 133 :125.446

Có TK 111:1.379.910

Biểu số 2.14

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Ký hiệu: AC/2010T
 Liên 2: Giao khách hàng Số: 555878

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH TM và Sản Xuất Phú Đường

Mã số:

Địa chỉ (address): Kiến An, Hải Phòng.....

Số điện thoại (tel): 0303.678.657.....Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2010	1,254,464
a, Cước dịch vụ viễn thông	0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	1,254,464
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT (2)	125,446
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	1,379,910

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng
chẵn

Người nộp tiền ký

Ngày...tháng...năm...
 Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.15

CÔNG TY TNHH TM VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG

Mẫu số 02 Ban hành theo QĐ số

:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số 10.số:1301

Số CT 05/12

TK ghi nợ	Số tiền
642,133	1.379.910

PHIẾU CHI

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Số 1132

Họ và tên người nhận tiền :

Địa chỉ :

Lý do chi : Thanh toán tiền điện thoại

Số tiền :1.379.910

Số tiền viết bằng chữ : một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng chẵn

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền : một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm mười đồng chẵn

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường

Địa chỉ: Số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Điện thoại: 0313.678.657

Biểu số 2.16

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV năm 2010 (trích 1 số NV tháng 12)

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....						
1/12	PC 1109	1/12	Chi tiền tiếp khách	642	300.000	
		1/12		111		300.000
01/12	PT 1301	01/12	Xuất bán thành phẩm	111	6.549.950	
01/12	HD GTGT 47148	01/12	Doanh thu bán thành phẩm	511		5.954.500
01/12		01/12	VAT đầu ra	3331		595.450
...	...	...		...	...	...
12/12	PC 1132	12/12	Chi tiền điện thoại	642	1.254.464	
		12/12	VAT đầu vào	133	125.446	
		12/12		111		1.379.910
31/12	PKT 120	31/12	Kết chuyển giá vốn Quý IV	911	2.494.524.400	
				632		2.494.524.400
31/12	PKT 121	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý IV	511	2.925.397.000	
				911		2.925.397.000
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	85.275.000	
				642		85.275.000
....	...					
			Cộng PS quý IV		38.425.005.800	38.425.005.800

Biểu số 2.17

Đơn vị: Công ty TNHH TM và Sản Xuất Phú Đường

Địa chỉ: số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Điện thoại: 0313.678.657

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên Tài Khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

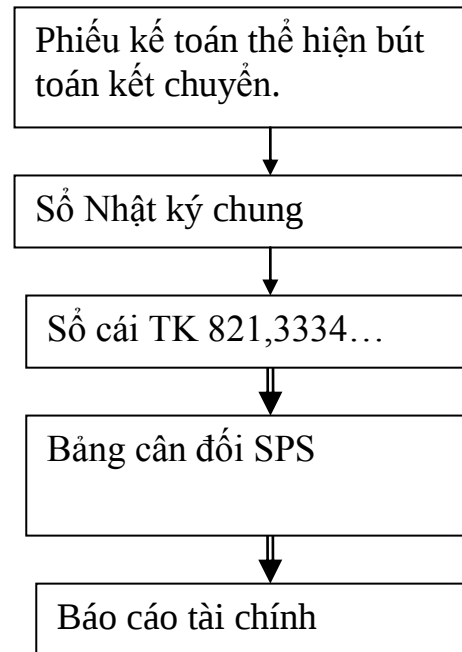
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
....	...					
1/12/10	PC1109	1/12/10	Chi tiền tiếp khách	111	300.000	
12/12/10	PC 1132	12/12/10	Chi tiền điện thoại tháng 11/2010	111	1.254.464	
.....						
31/12/10	BTLT12	31/12/10	Tính lương tháng 12	334	20.750.000	
...	...			...		
31/12/10	PKT 123	31/12/10	kết chuyển chi phí QLDN quý IV	911		85.275.000
			Cộng SPS quý IV		85.275.000	85.275.000
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành

- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 821
- ❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- ❖ Sổ sách sử dụng: nhật ký chung, sổ cái TK 821
- ❖ Trình tự hạch toán thuế TNDN

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán thuế TNDN



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —→

Ghi cuối năm : ==>

Ví dụ: Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kê toán vào các sổ sách liên quan

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911:	2.925.397.000
Kết chuyển doanh thu bán hàng:	2.925.397.000
- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:	2.634.244.400
Kết chuyển giá vốn bán hàng:	2.494.524.400
Kết chuyển chi phí bán hàng:	54.445.000

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp 85.275.000

- Thu nhập chịu thuế = $2.925.397.000 - 2.634.224.400 = 291.152.600$
- Thuế TNDN phải nộp = $291.152.600 * 25\% = 72.788.150$
- Lợi nhuận sau thuế = $291.152.600 - 72.788.150 = 218.364.450$

2.2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kế toán công ty sử dụng tài khoản 911 để hạch toán xác định kết quả kinh doanh vào cuối mỗi quý:

- Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu sang bên có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK 911

- Kết quả kinh doanh = Số phát sinh Có TK 911 - Số phát sinh Nợ TK 911
- Nếu kết quả kinh doanh nhỏ hơn 0, vậy tháng đó công ty làm ăn thua lỗ. Kế toán sẽ ghi:

Nợ TK 421 : kết quả bên trên

Có TK 911 : kết quả bên trên

- Nếu kết quả kinh doanh lớn hơn 0 thì kế toán phải tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước sau đó hạch toán chi phí thuế TNDN vào TK 821

Thuế TNDN = (Số PS Có TK 911 - Số PS Nợ TK 911) * thuế suất thuế TNDN

- Sau khi tính được số thuế TNDN thực tế phải nộp kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911 từ đó xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421

Ví Dụ: Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào nhật ký chung rồi vào sổ cái các TK

Biểu số 2.18

Công ty TNHH TM và Sản xuất Phú Đường

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số :120

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển giá vốn hàng bán Quý IV	911	2.494.524.400	
	632		2.494.524.400
Cộng		2.494.524.400	2.494.524.400

Biểu số 2.19:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:121

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV	511	2.925.397.000	
	911		2.925.397.000
Cộng		2.925.397.000	2.925.397.000

Biểu số 2.20

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:122

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí hàng bán Quý IV	911	54.445.000	
	641		54.445.000
Cộng		54.445.000	54.445.000

Biểu số 2.21

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số :123

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV	911	85.275.000	
	642		85.275.000
Cộng		85.275.000	85.275.000

Biểu số 2.22

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:124

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Xác định thuế TNDN quý IV	821	72.788.150	
	3334		72.788.150
Cộng		72.788.150	72.788.150

Biểu số 2.23

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:125

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển thuế TNDN quý IV	911	72.788.150	
	821		72.788.150
Cộng		72.788.150	72.788.150

Biểu số 2.24

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số:126

Đơn vị tính:đồng

Nội dung	Tài Khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển thuế lãi quý IV	911	218.364.450	
	421		218.364.450
Cộng		218.364.450	218.364.450

Biểu số 2.25

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV năm 2010

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....						
27/12/10	PX1257	27/12/10	Xuất thành phẩm bán	632	4.914.900	
				155		4.914.900
27/12/10	HĐGTGT Số 002532	27/12/10	Thu tiền bán hàng	111	6.549.950	
				511		5.954.500
				3331		595.450
31/12/10	BTLT12	31/12/10	Tính lương nhân viên bán hàng	641	9.315.000	
				334		9.315.000
31/12/10	BTLT12	31/12/10	Tính lương nhân viênQuản lýdoanh nghiệp	642	20.750.000	
				334		20.750.000
		...		...	...	
31/12/10	PKT120	31/12/10	Kết chuyển giá vốn quý IV	911	2.494.524.400	
				632		2.494.524.400
31/12/10	PKT121	31/12/10	Kết chuyển doanh thu quý IV	511	2.925.397.000	
				911		2.925.397.000
31/12/10	PKT122	31/12/10	Kết chuyển CFBH quý IV	911	54.445.000	
				641		54.445.000
31/12/10	PKT123	31/12/10	Kết chuyển CFQLDN quý IV	911	85.275.000	
				642		85.275.000
31/12/10	PKT124	31/12/10	Xác định thuế TNDN quý IV	821	72.788.150	
				3334		72.788.150
31/12/10	PKT125	31/12/10	Kết chuyển CP thuế TNDN quý IV	911	72.788.150	
				821		72.788.150
31/12/10	PKT126	31/12/10	Kết chuyển lãi quý IV	911	218.364.450	
				421		218.364.450
			Cộng FS Quý IV		38.425.005.800	38.425.005.800

Biểu số 2.26

SỔ CÁI

Số hiệu TK : 911

Tên Tài Khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Quý IV Năm 2010

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
31/12/10	PKT120	31/12/10	Kết chuyển giá vốn	632	2.494.524.400	
31/12/10	PKT121	31/12/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		2.925.397.000
31/12/10	PKT122	31/12/10	Kết chuyển bán hàng	641	54.445.000	
31/12/10	PKT123	31/12/10	Kết chuyển chi phí QLDN	642	85.275.000	
31/12/10	PKT125	31/12/10	Kết chuyển TNDN	821	72.788.150	
31/12/10	PKT126	31/12/10	Kết chuyển lãi	421	218.364.450	
			Cộng SPS		2.925.397.000	2.925.397.000
			Số dư cuối kỳ			

Biểu số 2.27

SỔ CÁI

Số hiệu TK : 421

Tên Tài Khoản: Lợi nhuận chưa phân phối
Quý IV Năm 2010

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ quý IV			814.669.700
31/12/2010	PKT126	31/12/10	Kết chuyển lãi	911		218.364.450
			Cộng SPS quý IV			218.364.450
			Số dư cuối kỳ			1.033.034.150

Biểu số 2.28

SỔ CÁI

Số hiệu TK : 821

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Quý IV Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu quý IV			
31/12/10	PKT124	31/12/10	Thuế TNDN phải nộp quý IV	3334	72.788.150	
31/12/10	PKT125	31/12/10	K/C chi phí thuế TNDN	911		72.788.150
			Cộng số phát sinh quý IV		72.788.150	72.788.150
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Địa chỉ: Số 17-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng

Điện thoại: 0313.678.657

Biểu số 2.29

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	Quý III
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01	VI.25	2.925.397.000	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.925.397.000	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	2.494.524.400	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		430.872.600	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		54.445.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		85.275.000	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		291.152.600	
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		291.152.600	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	72.788.150	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		218.364.450	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Ngay từ khi mới thành lập công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường cũng đã có rất nhiều cố gắng và sự nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Trong suốt 5 năm qua công ty đã không ngừng vươn lên, quá trình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về sản xuất, kinh doanh bánh kẹo, bánh mỳ, bim bim... Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô sản xuất cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua thì đó lại là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

3.1.1 Ưu điểm

Qua một thời gian thực tập tại công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường với việc nghiên cứu đề tài: “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường**”. em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

- **Về tổ chức bộ máy kế toán**

Như đã trình bày ở phần 2.1.1.1, Bộ máy kế tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh yêu cầu quản lý của công ty.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công phân nhiệm, nguyên tắc phê chuẩn ủy quyền. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít xảy ra sai sót. Phần lớn nhân viên kế toán là những người đã gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập, thuần thục với quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

- **Về hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung do Bộ tài chính ban hành. Hình thức này áp dụng đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, nó có ưu điểm là dễ dàng trong phân công công tác kế toán. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- **Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán:

- Công ty sử dụng hình thức ghi sổ là “ Nhật ký chung”, hình thức này khá đơn giản lại phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và Sổ chi tiết cho một số tài khoản, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các sổ sách để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:

- Kế toán Công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh (đã kiểm tra) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán Công ty có mở Sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về tổ chức công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp

thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và Sản xuất Phú Đường còn những hạn chế nhất định.

❖ Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ không kích thích được nhu cầu khách hàng.

❖ Việc áp dụng phần mềm kế toán:

Tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên phần mềm Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán dùng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vì vậy doanh nghiệp có thể áp dụng những phần mềm đó. Sử dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ phận kế toán tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng công việc, đồng thời đảm bảo độ chính xác khi tính toán. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

❖ Chưa sử dụng TK 635 “Chi phí tài chính” và TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí trực tiếp thể hiện kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vì vậy việc hạch toán chi phí chính xác rất quan trọng tuy nhiên kế toán công ty lại nhầm lẫn trong việc hạch toán chi phí tài chính 635 vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Sự nhầm lẫn này tuy không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cuối cùng của công ty nhưng thực tế đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến số liệu trên sổ cái TK 642, TK 635.

Doanh thu thể hiện trực tiếp kết quả kinh doanh của doanh nghiệp ,vì vậy việc hạch toán doanh thu chính xác rất quan trọng, tuy nhiên kế toán công ty lại nhầm lẫn trong việc hạch toán doanh thu tài chính vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, thực tế đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến số liệu trên sổ cái TK 511,TK 515.

3.2 Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và SX Phú Đường

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và Sản Xuất Phú Đường chưa hoàn thiện, gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy nên tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

3.2.2 Một số giải pháp

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và những thông tin những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số giải pháp pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức

công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường như sau:

3.2.2.1. Sử dụng phần mềm kế toán

Một trong những mục tiêu cải cách hệ thống kế toán của Nhà nước là tạo điều kiện cho việc ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán, bởi vì tin học đã, đang và sẽ trở thành một trong những công cụ quản lý kinh tế hàng đầu. Trong khi đó, Công ty TNHH TM và Sản Xuất Phú Đường là công ty sản xuất thương mại, trong kỳ có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh và tiến hành tính toán khá phức tạp.

Chính vì vậy, cần phải sử dụng phần mềm kế toán vì:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.
- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.
- Giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm và kiểm tra số liệu trong việc tính toán sổ học đơn giản để họ giành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA...

Và có rất nhiều doanh nghiệp cung cấp phần mềm miễn phí cho doanh nghiệp như Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam. Đây cũng là phần mềm rất hay. Doanh nghiệp chỉ cần gửi hồ sơ đăng ký qua mail, fax hoặc bưu điện Công ty SIS sẽ hẹn ngày đến lấy đĩa cài và hướng dẫn sử dụng cho doanh nghiệp. Công ty còn mở các khóa đào tạo trực tiếp cho khách hàng.

- Khi công ty sử dụng phần mềm kế toán thì trình tự hạch toán sẽ như **sơ đồ 1.23**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán.

- Máy sẽ tự động chạy các số liệu vào tất cả các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển.

- Từ đó lập nên các báo cáo tài chính.

3.2.2.2. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Công ty nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ. Để lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho công ty phải tuân theo một số quy định sau:

✓ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán năm khi lập báo cáo tài chính. Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Nợ TK 632- Giá vốn hàng bán

Có TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

✓ Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng thứ vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho.

✓ Cuối niên độ kế toán căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng vật tư, hàng hóa để xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo:

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có Tk 632: Giá vốn hàng bán

3.2.2.3. Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ

Sản phẩm tiêu thụ của Công ty kinh doanh gồm nhiều loại, mỗi loại mang lại mức lợi nhuận khác nhau. Một trong những biện pháp tăng lợi nhuận là phải chú trọng nâng cao doanh thu của mặt hàng có mức lãi cao. Vì vậy, kế toán của Công ty cần xác định được kết quả tiêu thụ của từng loại sản phẩm. Từ đó, xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả cao nhất.

Thực tế, kế toán Công ty chỉ xác định doanh thu riêng cho tất cả các mặt hàng tiêu thụ, nhưng lại chưa thực hiện phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng.

Để phân bổ các khoản chi phí này, cần phải lựa chọn một tiêu thức phân bổ sao cho phù hợp, khoa học. Vì chi phí bán hàng và chi phí quản lý của các sản phẩm không như nhau. Dựa vào đặc điểm của các sản phẩm tiêu thụ tại Công ty mà ta có thể lựa chọn tiêu thức phân bổ theo doanh số bán.

- Đối với các khoản chi phí bán hàng, sẽ được phân bổ như sau:

-

Chi phí bán hàng phân bổ cho loại sản phẩm thứ i	=	$\frac{\text{Doanh số bán loại sản phẩm thứ i}}{\text{Tổng doanh thu bán sản phẩm}}$	*	Tổng chi phí bán hàng cần phân bổ
--	---	--	---	-----------------------------------

- Đối với các khoản chi phí quản lý DN, sẽ được phân bổ như sau:

Chi phí quản lý DN phân bổ cho loại sản phẩm thứ i	=	$\frac{\text{Doanh số bán loại sản phẩm thứ i}}{\text{Tổng doanh thu bán sản phẩm}}$	*	Tổng chi phí quản lý DN cần phân bổ
--	---	--	---	-------------------------------------

Sau khi phân bổ được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại sản phẩm tiêu thụ, ta sẽ xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đó theo công thức sau:

Lãi (lỗ) của từng loại sp	=	Doanh thu thuần từng loại sp	-	Giá vốn hàng bán từng loại sp	-	CPBH phân bổ cho từng loại sp	-	CPQLDN phân bổ cho từng loại sp
---------------------------	---	------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------------------	---	---------------------------------

Ví dụ: Xác định kết quả kinh doanh sản phẩm bim bim:

Tổng doanh thu trong quý IV : 2.925.397.000

Doanh thu thuần bim bim : 1.286.172.000

Giá vốn hàng bán của bim bim : 1.061.618.400

Chi phí bán hàng : 54.455.000

Chi phí quản lý doanh nghiệp : 85.275.000

Ta tiến hành phân bổ chi phí bán hàng theo doanh số bán:

Chi phí bán hàng phân bổ cho sản phẩm bim bim

$$= \frac{1.286.172.000}{2.925.397.000} * 54.455.000 = 23.941.535.5$$

Ta tiến hành phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo doanh số bán:

Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho sản phẩm bim bim

$$= \frac{1.286.172.000}{2.925.397.000} * 85.275.000 = 37.491.772$$

Bảng xác định kết quả kinh doanh của sản phẩm bim bim

Công ty TNHH TM và Sản xuất Phú Đường

BẢNG XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tên mặt hàng: Bánh bim bim

Chỉ tiêu	Kỳ này
Doanh thu thuần	1.286.172.000
Giá vốn hàng bán	1.061.618.400
Lợi nhuận gộp	224.553.600
Chi phí bán hàng	23.941.535,5
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.491.772
Lợi nhuận từ việc bán hàng	163.120.292,5

Qua việc phân bổ trên, ta tính được lợi nhuận thuần của từng mặt hàng tiêu thụ. Cụ thể, đối với sản phẩm Bim bim, lợi nhuận thuần chiếm khoảng 56% so với lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng của Công ty. Qua đó, thấy được sản phẩm Bim bim là mặt hàng chủ lực của Công ty. Từ đó, giúp các nhà quản trị Công ty đưa ra những biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ, tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Bên cạnh đó, ta có thể biết được mặt hàng nào của Công ty kinh doanh không có hiệu quả để đưa ra chiến lược kinh doanh cụ thể.

3.2.2.4. Sử dụng TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” và tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Khi hạch toán các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết,... Công ty hiện đang sử dụng tài khoản 642 “chi phí quản lý doanh nghiệp”

Kế toán cần sử dụng tài khoản 635 để tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành về việc ghi nhận các khoản chi phí. Điều đó giúp cho việc hạch toán chính xác, chi tiết các khoản chi phí, góp phần hoàn thiện công tác kế toán

doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường

Khi hạch toán các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ...hiện tại kế toán đang sử dụng TK 511.

Kế toán công ty cần sử dụng tài khoản 515 để tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành về ghi nhận các khoản doanh thu hoạt động tài chính .Việc sử dụng đúng tài khoản sẽ giúp ích cho kế toán dễ dàng theo dõi chi tiết các nguồn thu của công ty, giúp cho việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Ví dụ1: Ngày 30/12 trả tiền lãi vay cho ngân hàng Techcombank,theo phiếu báo nợ

Kế toán ghi

Nợ TK 642 : 2.250.000

Có TK 112: 2.250.000

Theo chế độ kế toán ghi

Nợ TK 635 : 2.250.000

Có Tk 112: 2.250.000

Ví dụ2:ngày 31/12/2010.ngân hàng techcombank gửi giấy báo có về khoản tiền lãi

Kế toán ghi

Nợ TK 112 : 2.875.000

Có TK 511 :2.875.000

Theo chế độ,kế toán ghi:

Nợ TK 112 : 2.875.000

Có TK 515 :2.875.000

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
HPG-TCB HAI PHONG
MST: 0100230800-004

Theo công văn số 21208/CT/AC
Cục thuế Hà Nội



PHIẾU BÁO NỢ

Trang 1/1

(Kiên hóa đơn thu phí dịch vụ)

Ngày ... tháng ... năm

Kính gửi : CT TNHH TM và Sản xuất

Số tài khoản: 109.20026585.01.5

Phú Đường

Loại tiền : VND

Địa chỉ : số 17-Trường Chinh-Kiến An-HP

Loại tài khoản: TIEN GUI

Mã số thuế: 0200578165

THANH TOAN

Số ID khách hàng: 20026585

Số bút hạch toán:

1002002658015-200100152

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản thu nợ	2.250.000
Tổng số tiền	2.250.000

Số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm năm mươi VND chẵn.

Trích yếu: CHUYỂN KHOẢN THU NỢ-CT TNHH TM VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THUẬT VIỆT NAM

HPG-TCB HAI PHONG

MST: 0100230800-004



Theo công văn số 21208/CT/AC

Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BẢO CỐ

Trang 1/1

Ngày ... tháng ... năm

Kính gửi : CT TNHH TM VA SAN XUAT

PHU DUONG

Địa chỉ : SO 17-TRUONG CHINH-

KIEN AN-HP

Mã số thuế: 0200578165

Số ID khách hàng: 20026585

Số tài khoản

:109.20026585.01.5

Loại tiền : VND

Loại tài khoản: TIEN GUI

THANH TOAN

Số bút hạch toán:

1002002658015-200100192

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	2.875.000,00
Tổng số tiền	2.875.000,00

Số tiền bằng chữ: Hai triệu tám trăm bảy mươi năm VND chẵn

Trích yếu: Tra lại số dư trên tài khoản - tháng .../...

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

3.2.2.5. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thương mại cho phù hợp với tình hình tiêu thụ tại công ty nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, thu hút thêm nhiều khách hàng

➤ Cách thực hiện:

✓ Công ty có thể tự xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng dựa trên sản lượng tiêu thụ, giá thành sản xuất, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường.

✓ Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

➤ Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại.

✓ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

✓ Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

✓ Ví dụ: Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại và do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô tương tự, bài viết xin đưa ra mức chiết khấu của sản phẩm bánh mỳ tại Công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường

Với tổng hóa đơn cung cấp dịch vụ trong tháng của một khách hàng đạt được

- Đối với sản phẩm bánh mỳ các loại

○ Từ 100 thùng- 200 thùng /1 tháng : chiết khấu 0.5%

○ Từ 200 thùng / 1 tháng trở lên: chiết khấu 2%

- Đối với sản phẩm là bìm bìm
 - Từ 300 bịch-500 bịch/1 tháng:chiết khấu 0.5%
 - Từ 500 bịch/1 tháng trở lên:chiết khấu 2%

➤ Phương pháp hạch toán;

✓ Khi chiết khấu cho khách hàng:

Nợ TK 521:.....

Nợ TK 3331:.....

Có TK 131,111,112,....:

✓ Kết chuyển:

Nợ TK 511:.....

Có TK 521:.....

Ví dụ:

Giả sử công ty áp dụng mức chiết khấu như trên trong tháng 12 năm 2010. Theo đó, vào ngày 31/12/2010 kế toán dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng làm căn cứ chi chiết khấu thương mại cho khách hàng.

Dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng công ty sẽ cho đại lý Dưỡng Hường (819-Trường Chinh-Kiến An-HP) hưởng chiết khấu thương mại 2% trên tổng giá thanh toán.

Biểu số 3.3

Công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính : Đồng

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Giá bán	Thành tiền
Ngày	Số				
Đại lý Dưỡng Hường					
3/12/2010	HDDGTGT 47153	Bán bánh mỳ bơ sữa	100	65.000	6.500.000
15/12/2010	HDDGTGT 47190	Bán bánh mỳ bơ sữa	30	65.000	1.950.000
18/12/2010	HĐGTGT 47199	Bán bánh mỳ bơ sữa	45	65.000	2.925.000
.....					
30/12/2010	HĐGTGT 47200	Bán bánh mỳ bơ sữa	35	65.000	2.275.000
		Cộng	210		13.650.000

Ngày 31/12/2010

Người lập biểu

Ký tên

Như vậy số tiền chiết khấu thương mại mà đại lý Dương Hương được hưởng là:

$$\begin{aligned}\text{Số tiền CK} &= 2\% \times (13.650.000 \times 1.1) \\ &= 2\% \times 15.015.000 = 300.300(\text{ đồng})\end{aligned}$$

Định khoản như sau:

Nợ TK521 : 273.000

Nợ TK3331 : 27.300

Có TK 112,131...: 300.300

Nợ TK511 : 273.000

Có TK521: 273.000

KẾT LUẬN

Trong cơ chế thị trường hiện nay, cạnh tranh trên thương trường ngày càng gay gắt, sân chơi thương trường cũng trở nên bình đẳng hơn, các doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại và phát triển được khi tạo cho mình sức mạnh tốt, mà cái đó phải do chính bản thân doanh nghiệp nỗ lực thực hiện. Vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định tới sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Vì thế, hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường mà còn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp khác và của cả nền kinh tế quốc dân hiện nay.

Trên cơ sở những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đề tài đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu tình hình thực tế về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường để thấy rõ những mặt đã đạt được và những vấn đề tồn tại, từ đó đề ra một số biện pháp trong việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề tổng hợp cả lý luận và thực tiễn. Đồng thời do trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, chắc chắn đề tài của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô giáo và các cán bộ phòng kế toán công ty TNHH TM và sản xuất Phú Đường để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của GV - THs. Trần Thị Thanh Thảo đã giúp đỡ em trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2011

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2 Vai trò nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2.1. Khái quát về doanh thu	5
1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	5
1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính	8
1.2.1.4. Doanh thu khác	8
1.2.2. Khái quát về chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	9
1.2.2.1. Giá vốn hàng bán	9
1.2.2.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp:.....	10
1.2.2.3. Chi phí bán hàng.....	11
1.2.2.4. Chi phí tài chính.....	12
1.2.2.5. Chi phí khác	12
1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	12
1.3. Phân loại hoạt động và cách xác định lợi nhuận từng hoạt động trong Doanh nghiệp.....	13
1.4. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.....	14
1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	14

1.4.2	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	21
1.4.3	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	26
1.4.4.	Kế toán thu nhập khác.....	28
1.4.5.	Kế toán giá vốn hàng bán.....	30
1.4.6.	Kế toán chi phí bán hàng.....	33
1.4.7.	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	36
1.4.8.	Kế toán chi phí tài chính	39
1.4.9.	Kế toán chi phí khác.....	41
1.4.10.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	43
1.4.10.1	Kế toán chi phí thuế TNDN.....	43
1.4.10.2.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh	44
1.5	Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	47
	CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG	49
2.1	Giới thiệu chung về công ty TNHH TM & SX Phú Đường	49
2.1.1.	Quá trình hình thành và phát triển Công ty.....	49
2.1.2	Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	50
2.1.3	Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	54
2.1.4	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	56
2.1.4.1.	Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.....	56
2.1.4.2.	Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.....	58
2.2	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Phú Đường	61
2.2.1	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn hàng bán.....	61

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán	71
2.2.1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:	77
2.2.1.4 Kế toán chi phí bán hàng	77
2.2.1.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	83
2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh	89
2.2.2.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành	89
2.2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	90
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG	
TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ	
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG	97
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác	
định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và SX Phú Đường	97
3.1.1. Ưu điểm	97
3.1.2. Hạn chế	100
3.2 Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác	
định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và SX Phú Đường	101
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và	
xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và SX Phú Đường	101
3.2.2 Một số giải pháp	101
3.2.2.1. Sử dụng phần mềm kế toán	102
3.2.2.2. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	103
3.2.2.3. Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho	
từng mặt hàng tiêu thụ	104
3.2.2.4. Sử dụng TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” và tài khoản 515	
“Doanh thu hoạt động tài chính”	106
3.2.2.5. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại	110
KẾT LUẬN	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO	115

